

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI
Số: 336 /BC-HĐND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Gia Lai, ngày 06 tháng 10 năm 2023

BÁO CÁO

Thẩm tra dự thảo Nghị quyết Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Để chuẩn bị cho Kỳ họp thứ Mười bốn (chuyên đề), HĐND tỉnh khóa XII, thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, từ ngày 04/10/2023 đến ngày 12/10/2023, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra các dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình tại Kỳ họp. Trên cơ sở xem xét nội dung dự thảo nghị quyết "Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai" (theo Tờ trình số 2621/TTr-UBND ngày 28/9/2023 của UBND tỉnh) và các tài liệu có liên quan, qua ý kiến thảo luận của các thành viên Ban, đại biểu dự họp, giải trình của đại diện Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn được UBND tỉnh giao xây dựng dự thảo nghị quyết. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

1. Cơ sở pháp lý

Căn cứ Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Điều 12 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi tại khoản 3 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020); khoản 1 Điều 27¹ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 7² Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ "Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025"; Quyết định số 18/2023/QĐ-TTg ngày 01/7/2023

¹ Điều 27. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết đề quy định:

"1. Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên".

² Điều 7. "5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Căn cứ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương được quy định tại Quyết định này, đặc điểm tình hình thực tế của địa phương, xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm cho các ngành, các cấp của địa phương, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định"

của Thủ tướng Chính phủ “Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025”;

Qua 02 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh Gia Lai “Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai” đã bộc lộ một số tồn tại, bất cập cần được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Ngày 23/8/2023, Thường trực HĐND tỉnh đã chấp thuận chủ trương xây dựng nghị quyết (tại Nghị quyết số 269/NQ-HĐND); do vậy, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành nghị quyết “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai” là cần thiết và đúng thẩm quyền.

2. Về nội dung dự thảo Nghị quyết

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo nghị quyết.

Tuy nhiên, đối với nội dung đề nghị của UBND tỉnh “Sửa đổi, bổ sung Điều 1 và khoản 3 Điều 3 tại Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh” nhằm mục đích để giải thích từ ngữ “Ngân sách tỉnh” cho rõ ràng hơn trong nghị quyết, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh không thống nhất. Lý do: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6³ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước quy định: “Ngân sách tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi chung là ngân sách tỉnh), bao gồm ngân sách cấp tỉnh và ngân sách của các huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương” đã giải thích rõ nội dung này, do đó, Ban thấy rằng việc sửa đổi, bổ sung nội dung này là không cần thiết.

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh có văn bản hướng dẫn nội dung quy định tại Điều 1 và khoản 3 Điều 3 tại Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND để các địa phương triển khai thực hiện.

3. Đối với thể thức, bố cục dự thảo Nghị quyết: Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất.

³ Điều 6. Hệ thống ngân sách nhà nước và quan hệ giữa các cấp ngân sách

“2. Ngân sách địa phương gồm ngân sách của các cấp chính quyền địa phương, trong đó:

a) Ngân sách tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi chung là ngân sách tỉnh), bao gồm ngân sách cấp tỉnh và ngân sách của các huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương...”

Kính trình HĐND tỉnh, Kỳ họp thứ Mười bốn (chuyên đề) xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu tham dự Kỳ họp thứ Mười bốn (chuyên đề), HĐND tỉnh khóa XII;
- Lưu: VT, KTNS.



**TM. BAN KINH TẾ-NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Đình Phương
Nguyễn Đình Phương

BÁO CÁO
Thẩm tra dự thảo Nghị quyết về việc điều chỉnh
quyết toán ngân sách địa phương năm 2021

Để chuẩn bị cho Kỳ họp thứ Mười bốn (chuyên đề), HĐND tỉnh khóa XII, thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, từ ngày 04/10/2023 đến ngày 12/10/2023, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra các dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình tại Kỳ họp. Trên cơ sở xem xét nội dung dự thảo nghị quyết "Về việc điều chỉnh quyết toán ngân sách địa phương năm 2021" (theo Tờ trình số 2654/TTr-UBND ngày 02/10/2023 của UBND tỉnh) và các tài liệu có liên quan, qua ý kiến thảo luận của các thành viên Ban, đại biểu dự họp, giải trình của đại diện Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn được UBND tỉnh giao xây dựng dự thảo nghị quyết. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

1. Cơ sở pháp lý

Căn cứ khoản 6 Điều 67¹ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015; thực hiện Nghị quyết số 91/2023/QH15 ngày 19/6/2023 của Quốc hội "Phê chuẩn quyết toán năm 2021", việc HĐND tỉnh điều chỉnh quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 là đúng quy định và đúng thẩm quyền.

2. Về nội dung dự thảo Nghị quyết

UBND tỉnh trình HĐND tỉnh điều chỉnh quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 như sau:

- Thu bổ sung từ ngân sách trung ương giảm là **12.087 triệu đồng** (giảm từ 8.179.188 triệu đồng còn 8.167.101 triệu đồng của Dự án Phát triển trẻ thơ toàn diện).

- Chi thường xuyên ngân sách địa phương giảm là **12.087 triệu đồng** (giảm từ 9.028.901 triệu đồng còn 9.016.814 triệu đồng của Dự án Phát triển trẻ thơ toàn diện).

Lý do: Theo Nghị quyết số 180/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Gia Lai, số chi thường xuyên là: 9.016.814 triệu đồng; Nghị quyết số 221/NQ-HĐND ngày 07/4/2023 của HĐND tỉnh Gia Lai điều chỉnh là: 9.028.901 triệu đồng. Theo Nghị quyết 91/2023/QH15 của Quốc hội, trong đó, phê chuẩn tỉnh Gia Lai thu bổ sung từ nguồn ngân sách trung ương với số tiền: 8.167.000 triệu đồng (không bao gồm thu bổ sung về tiền viện trợ của dự án là 12.088 triệu đồng²); chi thường xuyên với số tiền 9.016.814 triệu đồng (không bao gồm chi thường xuyên của Dự án phát triển trẻ thơ toàn diện là 12.087 triệu đồng). Như vậy, số chi thường xuyên theo phê duyệt của Quốc hội đúng với số phê duyệt của HĐND tỉnh Gia Lai tại Nghị quyết số 180/NQ-HĐND với số tiền là 9.016.814 triệu đồng, thấp hơn số phê

¹ 6. Đối với quyết toán ngân sách của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, trong quá trình tổng hợp quyết toán ngân sách nhà nước, trường hợp phát hiện có sai sót, Bộ Tài chính yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp điều chỉnh lại số liệu. Trường hợp phát hiện sai phạm, Bộ Tài chính xử lý theo thẩm quyền hoặc

² Sai sót do quá trình nhập số liệu: 1 triệu đồng.

duyet của HĐND tỉnh Gia Lai tại Nghị quyết số 221/NQ-HĐND là 9.028.901 triệu đồng - 9.016.814 triệu đồng = 12.087 triệu đồng.

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất và đề nghị HĐND tỉnh điều chỉnh số liệu quyết toán thu ngân sách địa phương năm 2021 tại Điều 1 của Nghị quyết số 221/NQ-HĐND ngày 07/4/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh "Về việc bổ sung điều chỉnh quyết toán ngân sách địa phương năm 2021", cụ thể như sau:

"2. Tổng thu ngân sách địa phương:	16.476.579	triệu đồng
- Thu NSDP được hưởng theo phân cấp:	5.151.777	-
- Thu chuyển nguồn từ năm trước sang:	1.498.451	-
- Thu kết dư ngân sách:	1.322.682	-
- Thu bổ sung từ ngân sách trung ương:	8.167.101	-
- Thu từ Quỹ dự trữ tài chính:	146.268	-
- Thu từ cấp dưới nộp lên:	143.140	-
- Địa phương vay từ nguồn cho vay lại của CP:	47.160	-
3. Tổng chi ngân sách địa phương:	15.863.065	triệu đồng
- Chi đầu tư phát triển:	3.208.223	-
- Chi thường xuyên:	9.016.814	-
- Chi trả lãi các khoản vay:	616	-
- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính:	2.550	-
- Chi chuyển nguồn sang năm sau	2.657.978	-
- Chi nộp ngân sách cấp trên:	956.019	-
- Chi trả nợ gốc:	20.865	-
4. Kết dư ngân sách địa phương:	613.514	triệu đồng
- Ngân sách cấp tỉnh:	181.538	-
- Ngân sách cấp huyện:	306.433	-
- Ngân sách xã:	125.543	-"

Ngoài ra, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị cơ quan trình dự thảo nghị quyết bổ sung các văn bản sau tại phần căn cứ pháp lý:

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

+ Nghị quyết số 180/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh "Về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2021".

3. Đối với thể thức, bổ cục dự thảo Nghị quyết: Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất.

Kính trình HĐND tỉnh, Kỳ họp thứ Mười bốn (chuyên đề) xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu tham dự Kỳ họp thứ Mười bốn (chuyên đề), HĐND tỉnh khóa XII;
- Lưu: VT, KTNS.



TM. BAN KINH TẾ-NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN

Nguyễn Đình Phương
Nguyễn Đình Phương

BÁO CÁO

Thẩm tra dự thảo nghị quyết về việc phân bổ chi tiết vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới năm 2023

Để chuẩn bị cho Kỳ họp thứ Mười bốn, HĐND tỉnh khóa XII, thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, từ ngày 04/10/2023 đến ngày 12/10/2023, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra các dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình tại Kỳ họp. Trên cơ sở xem xét nội dung dự thảo nghị quyết về việc phân bổ chi tiết vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới năm 2023 (theo Tờ trình số 2646/TTr-UBND ngày 30/9/2023 của UBND tỉnh) và các tài liệu có liên quan, qua ý kiến thảo luận của các thành viên Ban, đại biểu dự họp, giải trình của đại diện Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn được UBND tỉnh giao xây dựng dự thảo nghị quyết. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

1. Cơ sở pháp lý

Căn cứ các quy định tại khoản 2, Điều 30¹ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015; điểm a khoản 1, Điều 40² Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ “Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (sửa đổi, bổ sung tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP)”³; khoản 3 Điều 2³ Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính “Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025”, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ chi tiết vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2023 là đúng thẩm quyền.

Bên cạnh đó, các mục (3) (4) (6) (7) của phụ lục 01 của Nghị quyết số 216/NQ-HĐND ngày 07/4/2023 của HĐND tỉnh về phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2023 đối với 04 nội dung⁴: “Giao UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ nguồn vốn sau khi danh mục các dự án được phê duyệt hoặc sau khi có hướng dẫn của trung ương”. Do vậy, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh là đúng quy định.

¹ Điều 30. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân các cấp: “2. Quyết định phân bổ dự toán ngân sách cấp mình...”.

² Điều 40. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định: “a) Mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia tại địa phương”.

³ Điều 2. Nguyên tắc thực hiện “3. Căn cứ tổng mức vốn ngân sách trung ương hỗ trợ, cùng với nguồn vốn ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phân bổ, bảo đảm đồng bộ, không chồng chéo, trùng lặp với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030”.

⁴ Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới; Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới; Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh; Hỗ trợ thực hiện theo chỉ đạo điểm của Trung ương.

2. Về nội dung dự thảo nghị quyết: Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất đề nghị HĐND tỉnh phân bổ chi tiết vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới năm 2023, cụ thể như sau:

Tổng vốn sự nghiệp phân bổ chi tiết: 10.473 triệu đồng.

- Ngân sách Trung ương: 9.480 triệu đồng.
- Ngân sách địa phương: 993 triệu đồng.

Gồm:

+ Ngân sách cấp tỉnh (Nguồn sự nghiệp kinh tế giao đầu năm 2023): 497 triệu đồng.
+ Ngân sách cấp huyện: 496 triệu đồng.

Đồng thời, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị một số nội dung sau:

- Đối với nội dung phân bổ chi tiết vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới năm 2023: Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh bổ sung báo cáo thuyết minh, giải trình làm rõ lý do chi phân bổ cho 5 huyện (Kbang, Đak Pơ, Đak Đoa, Mang Yang, Chư Păh) và phân bổ cho Ban chỉ đạo cấp tỉnh (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) 312 triệu đồng.

- Đối với nguồn kinh phí còn lại chưa phân bổ chi tiết cho Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an ninh thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới tại phụ lục 01 của Nghị quyết số 216/NQ-HĐND ngày 07/4/2023 của HĐND tỉnh "Giao UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ nguồn vốn sau khi các mô hình thí điểm được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt"; Chương trình hỗ trợ thực hiện theo chỉ đạo điểm của Trung ương; xây dựng Trung tâm cung ứng nông sản "Giao UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ nguồn vốn sau khi có hướng dẫn của Trung ương". Đến nay 2 mô hình đã đăng ký với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhưng chưa được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt và chưa có chỉ đạo điểm của Trung ương; để đảm bảo tiến độ thực hiện và kịp thời giải ngân, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh giao UBND tỉnh phân bổ chi tiết nguồn vốn sau khi các mô hình thí điểm được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt và sau khi có Hướng dẫn của Trung ương và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

3. Đối với thể thức, bố cục dự thảo nghị quyết: Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất.

Kính trình HĐND tỉnh, Kỳ họp thứ Mười bốn (chuyên đề) xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XII, nhiệm kỳ 2021-2026;
- Lưu: VT-KTNS.



Nguyễn Đình Phương

BÁO CÁO

Thẩm tra Báo cáo số 215/BC-UBND ngày 02/10/2023 của UBND tỉnh về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển Chương trình mục tiêu quốc gia bền vững

Để chuẩn bị cho Kỳ họp thứ Mười bốn (chuyên đề), HĐND tỉnh khóa XII, thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, từ ngày 04/10/2023 đến ngày 12/10/2023, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra các báo cáo, dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình tại Kỳ họp. Trên cơ sở xem xét nội dung Báo cáo về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển Chương trình mục tiêu quốc gia bền vững (Theo Báo cáo số 215/BC-UBND ngày 02/10/2023 của UBND tỉnh) và các tài liệu có liên quan, qua ý kiến thảo luận của thành viên Ban, đại biểu dự họp, giải trình của các cơ quan được UBND tỉnh giao xây dựng Báo cáo. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

1. Về thẩm quyền

Thực hiện Nghị quyết số 133/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của HĐND tỉnh giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia; tại Phụ lục 3 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022; theo đó: HĐND tỉnh thông báo danh mục và mức vốn thực hiện Chương trình cho 02 đơn vị là Sở Lao động-Thương binh và Xã hội; Trường Cao đẳng Gia Lai: "...Giao UBND tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện dự án và chỉ bố trí vốn khi đảm bảo hồ sơ, các điều kiện theo quy định Luật Đầu tư công và các quy định khác có liên quan; báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất". Do đó, UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh là đúng quy định.

2. Về nội dung

UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển Chương trình mục tiêu quốc gia bền vững cho các đơn vị đã hoàn thiện thủ tục đầu tư¹ tại Báo cáo số 215/BC-UBND ngày 02/10/2023, cụ thể:

1. Quyết định số 363/QĐ-UBND ngày 30/6/2023 về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển cho Tiểu dự án 1- Dự án 4 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: Giao 26.133 triệu đồng cho Trường Cao đẳng Gia Lai thực hiện Tiểu dự án 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn - Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

¹ Quyết định phê duyệt dự án (1) Quyết định số 123/QĐ-SKHĐT ngày 31/7/2023 về phê duyệt dự án và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững; Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững; (2) Quyết định số 653/QĐ-UBND ngày 09/06/2023 về phê duyệt dự án Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn của Trường Cao đẳng Gia Lai.

2. Quyết định số 477/QĐ-UBND ngày 08/8/2023 về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư cho Tiểu dự án 3 - Dự án 4 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: Giao 1.445 triệu đồng cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện Tiểu dự án 3. Hỗ trợ việc làm bền vững - Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

Việc giao kế hoạch vốn chi tiết cho các đơn vị đảm bảo tuân thủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tại Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của HĐND tỉnh và Kế hoạch đầu tư phát triển vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia tại Nghị quyết số 132/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của HĐND tỉnh.

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất.

Kính trình HĐND tỉnh, Kỳ họp thứ Mười bốn (chuyên đề) xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XII, nhiệm kỳ 2021-2026;
- Lưu: VT-KTNS.

**TM. BAN KINH TẾ-NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Đình Phương

Số: 343/BC-HĐND

Gia Lai, ngày 06 tháng 10 năm 2023

BÁO CÁO

Thẩm tra dự thảo nghị quyết về việc thông qua bổ sung Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

Đề chuẩn bị cho Kỳ họp thứ Mười bốn, HĐND tỉnh khóa XII, thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, từ ngày 04/10/2023 đến ngày 12/10/2023, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra các dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình tại Kỳ họp. Trên cơ sở xem xét nội dung dự thảo nghị quyết về việc thông qua bổ sung Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai (theo Tờ trình số 2667/TTr-UBND ngày 02/10/2023 của UBND tỉnh) và các tài liệu có liên quan, qua ý kiến thảo luận của các thành viên Ban, đại biểu dự họp, giải trình của đại diện Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn được UBND tỉnh giao xây dựng dự thảo nghị quyết. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

1. Cơ sở pháp lý

Căn cứ quy định tại điểm h khoản 3 Điều 19¹ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Văn bản số 413/UBTVQH15-CTĐB ngày 08/02/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội trả lời Thường trực HĐND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về thẩm quyền của HĐND cấp tỉnh trong việc điều chỉnh bảng giá đất, đồng thời gửi Thường trực HĐND các tỉnh, thành phố², do vậy, việc HĐND tỉnh quyết định bổ sung Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai là đúng thẩm quyền.

2. Về nội dung dự thảo nghị quyết: Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất trình HĐND tỉnh thông qua bổ sung Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai với nội dung cụ thể như sau:

Bổ sung quy định về giá đất tại Bảng số 1: Bảng giá đất ở đô thị của Mục A, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 201/NQ-HĐND ngày 11 tháng 11 năm 2019 của HĐND tỉnh Gia Lai.

¹ Điều 19. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh trong lĩnh vực kinh tế, tài nguyên, môi trường: “h) Thông qua quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của tỉnh trước khi trình Chính phủ phê duyệt; quyết định biện pháp quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, nguồn lợi ở vùng biển, vùng trời, tài nguyên thiên nhiên khác, bảo vệ môi trường trong phạm vi được phân quyền”.

² “... Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định các nội dung liên quan đến việc điều chỉnh giá đất và hệ số điều chỉnh giá đất”.

Đơn vị tính: $\text{Đông}/\text{m}^2$

STT	Tên đường	Đoạn đường		Vị trí 1: Mặt tiền tuyến đường
		Từ nơi	Nơi đến	
372	Nguyễn Văn Linh	Trường Chinh	Đến mét thứ 285	19.040.000

3. Đối với thể thức, bố cục dự thảo nghị quyết: Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất.

Kính trình HĐND tỉnh, Kỳ họp thứ Mười bốn (Chuyên đề) xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XII, nhiệm kỳ 2021-2026;
- Lưu: VT-KTNS.

**TM. BAN KINH TẾ-NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Đình Phương

BÁO CÁO

Thẩm tra dự thảo Nghị quyết về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư vốn ngân sách địa phương năm 2023 (đợt 4) và phân khai chi tiết vốn đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 (nguồn vốn cân đối theo tiêu chí)

Đề chuẩn bị cho Kỳ họp thứ Mười bốn (chuyên đề), HĐND tỉnh khóa XII, thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, từ ngày 04/10/2023 đến ngày 12/10/2023, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra các báo cáo, dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình tại Kỳ họp. Trên cơ sở xem xét nội dung dự thảo Nghị quyết về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư vốn ngân sách địa phương năm 2023 (đợt 4) và phân khai chi tiết vốn đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 (nguồn vốn cân đối theo tiêu chí) (Theo Tờ trình số 2671/TTr-UBND ngày 02/10/2023 của UBND tỉnh) và các tài liệu có liên quan, qua ý kiến thảo luận của thành viên Ban, đại biểu dự họp, giải trình của các cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao xây dựng dự thảo Nghị quyết. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

I. Cơ sở pháp lý

Căn cứ khoản 3 Điều 83¹ Luật Đầu tư công năm 2019, việc HĐND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư vốn ngân sách địa phương năm 2023 (đợt 4) và phân khai chi tiết vốn đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 (nguồn vốn cân đối theo tiêu chí) là đúng thẩm quyền.

II. Về nội dung

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất đề nghị HĐND tỉnh phê duyệt kế hoạch đầu tư vốn ngân sách địa phương năm 2023 (đợt 4) và Thông báo chi tiết vốn đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 (nguồn vốn cân đối theo tiêu chí) cụ thể như sau:

1. Giao kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2023 (đợt 4) - vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí cho dự án Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc và cải tạo Nhà khách cũ thành trụ sở làm việc của Đoàn đại biểu quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai với số vốn là 4.360 triệu đồng.

2. Thông báo chi tiết vốn đối ứng các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 nguồn vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí 10.709 triệu đồng; cụ thể như sau:

¹ 3. Quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của địa phương, bao gồm toàn bộ danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương.

+ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 8.024 triệu đồng².

+ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 2.685 triệu đồng³.

III. Đối với thể thức, bố cục dự thảo Nghị quyết: Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất.

Tuy nhiên, tại Phần căn cứ, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị bổ sung thêm các căn cứ sau đây:

+ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

+ Nghị định số 38/2023/NĐ-HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

+ Đối với trích yếu dự thảo nghị quyết và phụ lục 2 đề nghị thay cụm từ “Phân khai” bằng cụm từ “Thông báo” và viết lại như sau: “Về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư vốn ngân sách địa phương năm 2023 (đợt 4) và thông báo chi tiết vốn đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 (nguồn vốn cân đối theo tiêu chí)”.

+ Tại Dự thảo nghị quyết bỏ “khoản 2 Điều 2”.

Kính trình HĐND tỉnh, Kỳ họp thứ Mười bốn (chuyên đề) xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XII, nhiệm kỳ 2021-2026;
- Lưu: VT-KTNS.

**TM. BAN KINH TẾ-NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Đình Phương

² Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng ĐBDTTS và miền núi: 8.024 triệu đồng² ưu tiên đảm bảo đối ứng triển khai thực hiện Dự án 1. Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt; Dự án 2. Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết (các địa phương đã có quyết định phê duyệt dự án²); đang triển khai thi công, cụ thể (1) Huyện Phú Thiện: 850 triệu đồng/2.124 triệu đồng (kế hoạch vốn đối ứng 2023); (2) Huyện Đức Cơ: 930 triệu đồng/2.117 triệu đồng (kế hoạch vốn đối ứng 2023); (3) Huyện Ia Grai: 1.244 triệu đồng/2.435 triệu đồng (kế hoạch vốn đối ứng 2023); (4) Huyện Kbang: 5.000 triệu đồng/6.590 triệu đồng kế hoạch vốn đối ứng 2023.

³ Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững: 2.685 triệu đồng (huyện Kông Chro) bố trí đủ số vốn đối ứng theo quy định tại điểm b³ khoản 2 Điều 13 Quyết định 02/2022/QĐ-TTg ngày 8/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

Số: 345 /BC-HĐND

Gia Lai, ngày 06 tháng 10 năm 2023

BÁO CÁO

Thẩm tra dự thảo nghị quyết về việc quyết định chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án đường từ xã Yang Nam đi xã Chợ Long, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai

Để chuẩn bị cho Kỳ họp thứ Mười bốn, HĐND tỉnh khóa XII, thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, từ ngày 04/10/2023 đến ngày 12/10/2023, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra các dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình tại Kỳ họp. Trên cơ sở xem xét nội dung dự thảo nghị quyết về việc *thông qua chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án đường từ xã Yang Nam đi xã Chợ Long, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai (theo Tờ trình số 2637/TTr-UBND ngày 29/9/2023 của UBND tỉnh)* và các tài liệu có liên quan, qua ý kiến thảo luận của các thành viên Ban, đại biểu dự họp, giải trình của đại diện Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn được UBND tỉnh giao xây dựng dự thảo nghị quyết. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

1. Cơ sở pháp lý

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 20¹ Luật Lâm nghiệp năm 2017, việc HĐND tỉnh quyết định chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác là đúng thẩm quyền.

2. Về hồ sơ

Hồ sơ UBND tỉnh trình HĐND tỉnh đảm bảo các nội dung theo quy định khoản 1 Điều 1 Nghị định 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

3. Về nội dung dự thảo nghị quyết: Nội dung này đã được trình tại Kỳ họp Thứ Mười ba HĐND tỉnh, khóa XII. Tuy nhiên, chưa được HĐND tỉnh chấp thuận do chưa thông qua kết quả rà soát điều chỉnh, quy hoạch 3 loại rừng. Hồ sơ trình lần này phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, dự án đã có quyết định chủ trương đầu tư phù hợp với kết quả rà soát, điều chỉnh, quy hoạch 3 loại rừng của UBND tỉnh trình tại kỳ họp lần Thứ Mười bốn, HĐND tỉnh, khóa XII, nhiệm kỳ 2021-2026. Vì vậy, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất và đề nghị bổ sung cụm từ “do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia Pa trồng và quản lý” tại nội dung “Nguồn gốc hình thành” và viết lại như sau “Nguồn gốc hình thành rừng trồng do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia Pa trồng và quản lý” và thống nhất trình HĐND tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục

¹ Điều 20. Thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: “3. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ biên giới, rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay và rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển dưới 20 ha; rừng sản xuất dưới 50 ha; rừng bảo vệ nguồn nước của cộng đồng dân cư”.

đích khác để thực hiện dự án đường từ xã Yang Nam đi xã Chợ Long, huyện Kông Chro, cụ thể như sau:

- Vị trí: Tại lô 97, 102, khoảnh 2; lô 53, khoảnh 5, tiểu khu 776, xã Chợ Long; lô 35, khoảnh 1, tiểu khu 811; lô 37, khoảnh 1, tiểu khu 812; lô 3, khoảnh 2, tiểu khu 813; lô 4, khoảnh 2 tiểu khu 814; lô 10, khoảnh 2 tiểu khu 815, xã Yang Nam, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai.

- Diện tích rừng: 0,8 ha, trong đó rừng trồng đã thành rừng (RTG): 0,30 ha; rừng trồng chưa thành rừng (DTR): 0,50 ha.

- Trữ lượng rừng: Trữ lượng bình quân/ha: 26,3 m³/ha; tổng trữ lượng 7,89 m³. Rừng trồng chưa thành rừng, không xác định trữ lượng.

- Loại rừng: Rừng sản xuất.

- Nguồn gốc hình thành: Rừng trồng do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia Pa trồng và quản lý.

- Loài cây: Bạch đàn.

4. Đối với thể thức, bộ cục dự thảo nghị quyết: Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất.

Kính trình HĐND tỉnh, Kỳ họp thứ Mười bốn xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XII, nhiệm kỳ 2021-2026;
- Lưu: VT-KTNS.

**TM. BAN KINH TẾ-NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Đình Phương

Số: 347/BC-HĐND

Gia Lai, ngày 06 tháng 10 năm 2023

BÁO CÁO

Thẩm tra dự thảo Nghị quyết điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (nguồn vốn ngân sách địa phương)

Để chuẩn bị cho Kỳ họp thứ Mười bốn (chuyên đề), HĐND tỉnh khóa XII, thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh; từ ngày 04/10/2023 đến ngày 12/10/2023, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra các báo cáo, dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình tại kỳ họp. Trên cơ sở xem xét nội dung dự thảo nghị quyết “*Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (nguồn vốn ngân sách địa phương)*” (Tờ trình số 2670/TTr-UBND ngày 02/10/2023 của UBND tỉnh) và các tài liệu có liên quan, qua ý kiến thảo luận của thành viên Ban, đại biểu dự họp, giải trình của các cơ quan được UBND tỉnh giao xây dựng dự thảo Nghị quyết. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

I. Cơ sở pháp lý

Căn cứ khoản 7 Điều 67¹ Luật Đầu tư công năm 2019, việc HĐND tỉnh quyết định về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (nguồn vốn ngân sách địa phương) là đúng thẩm quyền.

II. Về nội dung

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất đề nghị HĐND tỉnh điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương với nội dung cụ thể như sau:

Điều chỉnh điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh “*Về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (nguồn ngân sách địa phương)*”; điểm a khoản 1 Điều 1, Phụ lục 2² Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh “*Về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương của tỉnh Gia Lai*”; điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 127/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của HĐND tỉnh “*Về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương của tỉnh Gia Lai*”; khoản 1, 2 Điều 1 Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (nguồn vốn ngân sách địa phương), cụ thể:

1. Đối với nguồn vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí

¹ 7. Hội đồng nhân dân các cấp điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn ngân sách địa phương trong các trường hợp sau đây:

b) Do thay đổi đột biến về cân đối thu ngân sách địa phương hoặc khả năng huy động các nguồn vốn của địa phương;

c) Do thay đổi nhu cầu sử dụng hoặc khả năng triển khai thực hiện vốn kế hoạch hằng năm giữa các cơ quan, đơn vị của địa phương.

² Danh mục các dự án đầu tư bổ sung vào kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 do hụt thu năm 2019, 2020.

1.1. Điều chỉnh giảm vốn 150.709 triệu đồng, gồm:

(1) Đường Lý Thường Kiệt (đoạn đường Lê Duẩn - đường Dương Minh Châu), thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai: Giảm 80.000 triệu đồng (từ 128.000 triệu đồng còn 48.000 triệu đồng).

(2) Đường nội thị thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai: Giảm 30.000 triệu đồng (từ 60.000 triệu đồng còn 30.000 triệu đồng).

(3) Đường nội thị huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai: Giảm 30.000 triệu đồng (từ 60.000 triệu đồng còn 30.000 triệu đồng).

Lý do điều chỉnh (1), (2), (3): Giảm vốn của dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 để bố trí vốn đối ứng cho các Chương trình mục tiêu quốc gia³.

(4) Vốn đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia Nông thôn mới: Giảm 10.709 triệu đồng.

Lý do điều chỉnh: Điều chỉnh giảm để bố trí vốn đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia (điều chỉnh vốn tại Nghị quyết 244/NQ-HĐND ngày 07/7/2023).

1.2. Điều chỉnh tăng 150.709 triệu đồng cho vốn đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia.

Lý do điều chỉnh: Tăng vốn để đảm bảo nguồn vốn ngân sách tỉnh đối ứng với vốn ngân sách trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Điều chỉnh nguồn tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư

2.1. Điều chỉnh giảm 230.709 triệu đồng vốn đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia (từ 624.313 triệu đồng còn 393.604 triệu đồng).

Lý do điều chỉnh: Giảm vốn tương ứng với số vốn bổ sung từ nguồn vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và nguồn tăng thu ngân sách năm 2022.

2.2. Điều chỉnh tăng 10.709 triệu đồng vốn đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới (từ 103.311 triệu đồng tăng lên 114.020 triệu đồng).

Lý do điều chỉnh: Điều chỉnh tăng lại theo Nghị quyết 81/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh “Về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương”, để đảm bảo vốn đối ứng cho Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới (trước đây phân bổ trong nguồn cân đối, điều chỉnh sang nguồn tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư).

3. Nguồn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2022

Điều chỉnh tăng 80.000 triệu đồng từ nguồn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2022 để bố trí vốn đối ứng cho các Chương trình mục tiêu quốc gia⁴.

³ Dự án có thời gian khởi công hoàn thành 2024 - 2026; số vốn còn thiếu của dự án sẽ bố trí lại trong giai đoạn 2026 - 2030 và bố trí đủ vốn để hoàn thành dự án năm 2026; đảm bảo hoàn thành mục tiêu của dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

⁴ Thông báo số 129/TB-HĐND ngày 21/6/2023 của Thường trực HĐND tỉnh về kết luận đối với Tờ trình số 1372/TTr-UBND ngày 08/6/2023 của UBND tỉnh “Về phương án sử dụng nguồn kinh phí tăng thu ngân sách tỉnh năm 2022 và nguồn kinh phí còn lại trong quá trình thực hiện dự toán chi thường xuyên năm 2022 (đợt 2)”.

III. Đối với thể thức, bố cục dự thảo Nghị quyết: Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất.

Kính trình HĐND tỉnh, Kỳ họp thứ Mười bốn (chuyên đề) xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XII tham dự Kỳ họp thứ Mười bốn (chuyên đề);
- Lưu: VT, KTNS.

**TM. BAN KINH TẾ-NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Đình Phương

Số: 348/BC-HĐND

Gia Lai, ngày 06 tháng 10 năm 2023

BÁO CÁO

Thẩm tra dự thảo Nghị quyết điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện Dự án 6 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Để chuẩn bị cho Kỳ họp thứ Mười bốn (chuyên đề), HĐND tỉnh khóa XII, thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh; từ ngày 04/10/2023 đến ngày 12/10/2023, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra các báo cáo, dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình tại Kỳ họp. Trên cơ sở xem xét nội dung dự thảo nghị quyết “*Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện Dự án 6 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*” (Tờ trình số 2645/TTr-UBND ngày 30/9/2023 của UBND tỉnh) và các tài liệu có liên quan, qua ý kiến thảo luận của thành viên Ban, đại biểu dự họp, giải trình của các cơ quan được UBND tỉnh giao xây dựng dự thảo Nghị quyết. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

1. Cơ sở pháp lý

Căn cứ điểm c khoản 7 Điều 67¹ Luật Đầu tư công năm 2019, HĐND tỉnh quyết định điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện Dự án 6 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là đúng thẩm quyền.

2. Về nội dung

Trước đây, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 10 Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND quy định: “*Tiêu chí phân bổ vốn đầu tư thực hiện Dự án 6 Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch: 1. Phân bổ vốn đầu tư:...b) Phân bổ vốn cho các địa phương: Theo phương pháp tính điểm của các tiêu chí như sau: Số lượng (a, b, c, d, e) căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của địa phương được tổng hợp trong Kế hoạch thực hiện Chương trình được UBND tỉnh phê duyệt*”.

Hiện nay, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Hướng dẫn số 1684/HD-BVHTTDL ngày 26/4/2023 hướng dẫn thực hiện Dự án “*Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch*”, Văn bản số 3526/BVHTTDL-VHDT ngày 16/9/2022 “*Về việc đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch năm 2022, dự kiến kế hoạch thực hiện năm 2023 Dự án*

¹ 7. Hội đồng nhân dân các cấp điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn ngân sách địa phương trong các trường hợp sau đây:

c) Do thay đổi nhu cầu sử dụng hoặc khả năng triển khai thực hiện vốn kế hoạch hằng năm giữa các cơ quan, đơn vị của địa phương.

6 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi”.

Để đảm bảo hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và điều kiện thực tế của địa phương, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh điều chỉnh cho phù hợp. Do đó, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện Dự án 6 “Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi phê duyệt cho các địa phương tại Phụ lục 2.1 ban hành kèm theo Nghị quyết số 132/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của HĐND tỉnh “Về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia” (Có phụ lục kèm theo).

3. Đối với thể thức, bố cục dự thảo Nghị quyết: Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất.

Tuy nhiên, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị bỏ khoản 2 Điều 2 dự thảo nghị quyết: “Giao UBND tỉnh chỉ đạo UBND cấp huyện trình HĐND cùng cấp quyết định hoặc phân cấp cho HĐND cấp xã quyết định danh mục dự án và mức vốn bố trí cụ thể cho từng dự án trong trung hạn (giai đoạn 2021-2025) theo quy định Luật Đầu tư công, Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương đảm bảo quản lý, sử dụng nguồn vốn đúng pháp luật, đúng mục đích, đạt hiệu quả cao”.

Kính trình HĐND tỉnh, Kỳ họp thứ Mười bốn (chuyên đề) xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XII tham dự Kỳ họp thứ Mười bốn (chuyên đề);
- Lưu: VT-KTNS.

**TM. BAN KINH TẾ-NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Đình Phương



**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025 THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐÔNG BÀO DÂN TỘC THIẾU SỐ VÀ MIỀN NÚI**

(Kèm theo Báo cáo số: **348** /BC-HĐND ngày **06** tháng 10 năm 2023 của Ban KTNS HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Các địa phương	Theo Nghị quyết số 132/NQ-HĐND ngày 8/7/2022						Nội dung điều chỉnh						Tăng (+)/Giảm (-)		
		Tổng cộng Chương trình			Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch			Tổng cộng Chương trình			Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch					
		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:	
			NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP
	Tổng số	1,784,252	1,347,681	436,571	58,457	39,957	18,500	1,784,252	1,347,681	436,571	58,457	39,957	18,500	0	0	0
1	Huyện Ia Grai	100,322	71,778	28,544	2,326	1,590	736	100,852	72,140	28,712	2,856	1,952	904	530	362	168
2	Huyện Phú Thiện	79,418	57,220	22,198	5,504	3,762	1,742	85,483	61,366	24,117	11,569	7,908	3,661	6,065	4,146	1,919
3	Huyện Kbang	140,118	64,992	75,126	3,786	2,588	1,198	146,850	69,594	77,256	10,518	7,190	3,328	6,732	4,602	2,130
4	Huyện Ia Pa	139,850	100,934	38,916	7,115	4,863	2,252	134,539	97,304	37,235	1,804	1,233	571	-5,311	-3,630	-1,681
5	Huyện Kông Chro	135,436	130,683	4,753	3,398	2,323	1,075	134,142	129,798	4,344	2,104	1,438	666	-1,294	-885	-409
6	Huyện Krông Pa	154,821	130,871	23,950	5,187	3,545	1,642	151,738	128,764	22,974	2,104	1,438	666	-3,083	-2,107	-976
7	Huyện Chư Prông	264,864	163,230	101,634	2,325	1,589	736	264,343	162,874	101,469	1,804	1,233	571	-521	-356	-165
8	Huyện Chư Păh	163,993	141,181	22,812	2,783	1,902	881	171,727	146,468	25,259	10,517	7,189	3,328	7,734	5,287	2,447
9	Huyện Chư Sê	45,677	32,715	12,962	6,230	4,258	1,972	41,251	29,690	11,561	1,804	1,233	571	-4,426	-3,025	-1,401
10	Huyện Chư Pưh	122,939	111,899	11,040	2,316	1,583	733	122,427	111,549	10,878	1,804	1,233	571	-512	-350	-162
11	Huyện Đak Đoa	92,143	73,935	18,208	2,862	1,956	906	91,085	73,212	17,873	1,804	1,233	571	-1,058	-723	-335
12	Huyện Đrúc Cơ	106,736	83,966	22,770	3,011	2,058	953	105,829	83,346	22,483	2,104	1,438	666	-907	-620	-287
13	Huyện Đak Pơ	57,670	45,825	11,845	5,216	3,566	1,650	54,558	43,697	10,861	2,104	1,438	666	-3,112	-2,128	-984
14	Huyện Mang Yang	165,929	127,604	38,325	2,067	1,413	654	165,666	127,424	38,242	1,804	1,233	571	-263	-180	-83
15	Thành phố Pleiku	3,543	2,790	753	1,440	985	455	4,056	3,140	916	1,953	1,335	618	513	350	163
16	Thị xã An Khê	4,812	4,752	60	0	0	0	4,812	4,752	60	0	0	0	0	0	0
17	Thị xã Ayun Pa	5,981	3,306	2,675	2,891	1,976	915	4,894	2,563	2,331	1,804	1,233	571	-1,087	-743	-344

Số: 352 /BC-HĐND

Gia Lai, ngày 12 tháng 10 năm 2023

BÁO CÁO

Thẩm tra dự thảo nghị quyết về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách địa phương

Để chuẩn bị cho Kỳ họp thứ Mười bốn, HĐND tỉnh khóa XII, thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, từ ngày 04/10/2023 đến ngày 12/10/2023, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra các dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình tại Kỳ họp. Trên cơ sở xem xét nội dung dự thảo nghị quyết về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách địa phương (theo Tờ trình số 2669/TTr-UBND ngày 02/10/2023 của UBND tỉnh) và các tài liệu có liên quan, qua ý kiến thảo luận của các thành viên Ban, đại biểu dự họp, giải trình của đại diện Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn được UBND tỉnh giao xây dựng dự thảo nghị quyết. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

I. Cơ sở pháp lý

Căn cứ khoản 7 Điều 67¹ Luật Đầu tư công năm 2019, việc HĐND tỉnh điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương là đúng thẩm quyền.

II. Về nội dung dự thảo Nghị quyết

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh cơ bản thống nhất đề nghị HĐND tỉnh điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách địa phương, như sau:

Điều chỉnh điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 185/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2023, nguồn ngân sách địa phương, các Chương trình mục tiêu quốc gia và thông qua phương án phân bổ vốn năm 2023 nguồn ngân sách trung ương; điều chỉnh khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 245/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách địa phương; cụ thể:

1. Nội dung điều chỉnh đối với vốn cân đối theo tiêu chí

1.1. Điều chỉnh giảm 8.986 triệu đồng, gồm:

(1) Dự án các dự án bảo vệ phát triển rừng giảm 8.350 triệu đồng (giảm hết vốn cân đối theo tiêu chí năm 2023).

¹ 7. Hội đồng nhân dân các cấp điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn ngân sách địa phương trong các trường hợp sau đây:

b) Do thay đổi đột biến về cân đối thu ngân sách địa phương hoặc khả năng huy động các nguồn vốn của địa phương;

c) Do thay đổi nhu cầu sử dụng hoặc khả năng triển khai thực hiện vốn kế hoạch hằng năm giữa các cơ quan, đơn vị của địa phương.

(2) Dự án Hệ thống âm thanh lưu động cho Nhà hát ca múa nhạc tổng hợp Đam San giảm 636 triệu đồng (giảm từ 9.880 triệu đồng xuống còn 9.243 triệu đồng).

1.2. Điều chỉnh tăng 8.986 triệu đồng: Điều chỉnh tăng vốn đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia với số vốn 8.986 triệu đồng.

2. Nội dung điều chỉnh đối với nguồn tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư

2.1. Điều chỉnh giảm vốn đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia của kế hoạch năm 2023 là 8.986 triệu đồng (từ 34.291 triệu đồng còn 25.305 triệu đồng).

2.2. Điều chỉnh giảm vốn đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia - kinh phí bố trí để thực hiện các dự án giãn tiến độ do hụt thu năm 2022 với số vốn 80.000 triệu đồng (điều chỉnh giảm vốn tại phụ lục 3 và phụ lục 3.1 nguồn tiền sử dụng đất tại Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 13/12/2022).

3. Nội dung điều chỉnh đối với nguồn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2022

Điều chỉnh tăng vốn đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia từ nguồn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2022 với số vốn là 80.000 triệu đồng.

(Theo số liệu tại biểu số 01 và phụ lục 1, 2 của Tờ trình số 2669/TTr-UBND ngày 02/10/2023 của UBND tỉnh)

Tuy nhiên, đối với nội dung đề nghị điều chỉnh giảm 8.350 triệu đồng của Dự án các dự án bảo vệ phát triển rừng, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh nhận thấy:

Tại cuộc họp thẩm tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có báo cáo giải trình², trong Báo cáo đã đưa ra nhiều giải pháp để hoàn thành chỉ tiêu trồng 40.000 ha rừng giai đoạn 2020-2025 theo Nghị quyết số 03-NQ/ĐH ngày 01/10/2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Gia Lai lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020-2025; tuy nhiên, còn nhiều ý kiến khác nhau, chưa thống nhất cao với các giải pháp của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đưa ra. Bên cạnh đó, Báo cáo số 3809/SNNPTNT-KHTC chưa được UBND tỉnh thông qua và có ý kiến bằng văn bản của UBND tỉnh.

Do đó, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh bổ sung báo cáo thuyết minh làm rõ lý do điều chỉnh, các giải pháp tổ chức thực hiện để đạt được mục tiêu trồng 40.000 ha rừng giai đoạn 2020-2025 (bình quân 8.000 ha/năm), đảm bảo chỉ tiêu trồng rừng theo Nghị quyết số 03-NQ/ĐH ngày 01/10/2020 của Đại hội Đảng bộ tỉnh Gia Lai lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020-2025 đã đề ra để trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định; nếu việc điều chỉnh giảm nguồn vốn này vẫn đảm bảo chỉ tiêu trồng rừng theo Nghị quyết số 03-NQ/ĐH thì đề nghị HĐND tỉnh xem xét, thông qua.

III. Đối với thể thức, bố cục dự thảo nghị quyết

- Tại phần căn cứ, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị bỏ các căn cứ:

² Báo cáo số 3809/SNNPTNT-KHTC ngày 03/10/2023 về việc bổ sung nội dung giải trình đề xuất giảm vốn Dự án các dự án Bảo vệ và phát triển rừng

+ Thông báo số 129/TB-HĐND ngày 21/6/2023 của HĐND tỉnh Kết luận của Thường trực HĐND tỉnh đối với Tờ trình số 1372/TTr-UBND ngày 08/6/2023 của UBND tỉnh về phương án sử dụng nguồn kinh phí tăng thu ngân sách tỉnh năm 2022 và nguồn kinh phí còn lại trong quá trình thực hiện dự toán chi thường xuyên năm 2022 (đợt 2);

+ Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 13/12/2022 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2023 (đợt 1); Quyết định số 431/QĐ-UBND ngày 23/7/2023 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách địa phương; Quyết định số 541/QĐ-UBND ngày 12/9/2023 của UBND tỉnh về xử lý chuyển nguồn kinh phí năm 2022 sang năm 2023 (đợt 3).

Kính trình HĐND tỉnh, Kỳ họp thứ Mười bốn (chuyên đề) xem xét, quyết định./.

Báo cáo này thay thế Báo cáo số 346/BC-HĐND ngày 06/10/2023 của Ban Kinh tế- Ngân sách HĐND tỉnh.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XII, nhiệm kỳ 2021-2026;
- Lưu: VT-KTNS.



**TM. BAN KINH TẾ-NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Đình Phương

Số: 353 /BC-HĐND

Gia Lai, ngày 12 tháng 10 năm 2023

BÁO CÁO

Thẩm tra dự thảo Nghị quyết về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án xây dựng Chính quyền điện tử tiến tới xây dựng Chính quyền số

Để chuẩn bị cho Kỳ họp thứ Mười bốn, HĐND tỉnh khóa XII, thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh; từ ngày 04/10/2023 đến ngày 12/10/2023, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra các dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình tại Kỳ họp. Trên cơ sở xem xét nội dung dự thảo nghị quyết về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án xây dựng Chính quyền điện tử tiến tới xây dựng Chính quyền số (theo Tờ trình số 2668/TTr-UBND ngày 02/10/2023 của UBND tỉnh) và các tài liệu có liên quan, qua ý kiến thảo luận của các thành viên Ban, đại biểu dự họp, giải trình của đại diện Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn được UBND tỉnh giao xây dựng dự thảo nghị quyết; Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

1. Cơ sở pháp lý

Căn cứ Khoản 1 Điều 34¹ Luật Đầu tư công năm 2019, việc HĐND tỉnh quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án xây dựng Chính quyền điện tử tiến tới xây dựng Chính quyền số là đúng thẩm quyền.

2. Về hồ sơ

Hồ sơ UBND tỉnh trình HĐND tỉnh đảm bảo các nội dung theo quy định khoản 3 Điều 11 Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ “Quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư công”.

3. Về nội dung dự thảo Nghị quyết

UBND tỉnh trình HĐND tỉnh điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án xây dựng Chính quyền điện tử tiến tới xây dựng Chính quyền số đã được HĐND tỉnh phê duyệt tại Nghị quyết số 304/NQ-HĐND ngày 25/02/2021 như sau:

- Điều chỉnh Mục tiêu đầu tư: Từ mục tiêu “Từng bước hoàn thiện nền tảng Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước tỉnh Gia Lai và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh; phát triển Chính quyền điện tử dựa trên dữ liệu và dữ liệu mở hướng tới Chính quyền số; bảo đảm an toàn thông tin và an ninh mạng; góp phần đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin, phát triển đô thị thông minh, thực hiện chuyển đổi số của tỉnh Gia Lai trong những năm tiếp theo”, sang mục tiêu “Xây dựng hệ thống Trung tâm tích hợp dữ liệu hiện đại, tập trung, thống nhất toàn tỉnh, đảm bảo theo tiêu chuẩn kỹ thuật trung tâm dữ liệu theo quy định, phù hợp quy mô, đáp ứng hầu hết các nhu cầu ứng dụng CNTT trong nội bộ các cơ

¹ Cấp quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án thì có thẩm quyền quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án đó và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

quan nhà nước của tỉnh, phục vụ xây dựng Chính quyền điện tử tiến tới Chính quyền số và cung cấp thông tin, dịch vụ, đảm bảo phát triển, vận hành hệ thống ứng dụng Chính quyền số một cách an toàn, bảo mật.

Nâng cấp, mở rộng hạ tầng đảm bảo các yêu cầu kết nối mạng của Trung tâm dữ liệu bao gồm kết nối bên trong và kết nối ra bên ngoài với các hệ thống thông tin của các đơn vị, địa phương thuộc tỉnh và kết nối với các hệ thống thông tin của Trung ương, các nền tảng Chính phủ số, đảm bảo an toàn dữ liệu và an ninh mạng, tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định.

Điều chỉnh các nội dung thực hiện để đảm bảo theo hướng dẫn, chỉ đạo của Trung ương về xây dựng, phát triển hạ tầng số, hạ tầng dữ liệu, thực hiện chuyển đổi số, xây dựng Chính quyền số”.

- **Điều chỉnh quy mô đầu tư** (ở bước lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư là quy mô dự kiến; quy mô dự án được xác định cụ thể ở bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi):

Từ quy mô:

“(1) Đầu tư, nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Gia Lai.

(2) Đầu tư, mở rộng, nâng cấp các phần mềm phục vụ phát triển Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số, các nền tảng để triển khai đô thị thông minh.

(3) Đầu tư Trung tâm điều hành, giám sát an toàn thông tin mạng tỉnh Gia Lai”.

Sang quy mô: “Đầu tư các trang thiết bị thiết bị cho Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Gia Lai để đảm bảo hạ tầng kỹ thuật phục vụ xây dựng Chính quyền điện tử, tiến tới Chính quyền số”:

+ Thiết bị Router kết nối WAN (mạng diện rộng).

+ Thiết bị chuyển mạch.

+ Thiết bị lõi.

+ Thiết bị cân bằng tải.

+ Hệ thống, thiết bị bảo mật: Firewall dịch vụ và dữ liệu, DDOS Protection, proxy, thiết bị chống tấn công có chủ đích, phần mềm chống virus.

+ Hệ thống máy chủ ảo hóa, phần mềm hệ điều hành.

+ Hệ thống lưu trữ dữ liệu và dữ liệu dự phòng.

+ Phần mềm quản trị cơ sở dữ liệu, phần mềm sao lưu dữ liệu.

+ Máy tính phục vụ vận hành hệ thống trung tâm dữ liệu.

+ Hệ thống lưu điện.

+ Hệ thống điều hòa.

+ Hệ thống tủ rack.

+ Các trang thiết bị khác phục vụ Trung tâm tích hợp dữ liệu.”.

- **Điều chỉnh tổng mức đầu tư: 73.346 triệu đồng** (Điều chỉnh từ 140 tỷ đồng giảm còn 73.346 triệu đồng).

*** Lý do đề nghị điều chỉnh**

1. Sau khi HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông đã tổ chức triển khai lập dự án, trình UBND tỉnh phê duyệt dự án. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện dự án, Trung ương và tỉnh ban hành nhiều văn bản chỉ đạo liên quan tới việc xây dựng các hệ thống công nghệ thông tin phục vụ xây dựng Chính quyền số, chuyển đổi số nên hình thức triển khai một số nội dung

đầu tư không còn phù hợp, cần phải chuyển sang hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin; nhiều nội dung liên quan cũng cần phải thực hiện rà soát, đánh giá theo các quy định, hướng dẫn mới của Trung ương để không bị trùng lặp với các hệ thống do Trung ương triển khai.

2. Theo quy định của Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công, đối với hoạt động sử dụng vốn đầu tư công để thuê dịch vụ công nghệ thông tin đã bị bãi bỏ (khoản 3 Điều 53 của Nghị định 40/2020/NĐ-CP). Như vậy, hiện nay chưa có quy định dùng vốn đầu tư công để thực hiện thuê dịch vụ công nghệ thông tin. Theo đó, đối với hạng mục của dự án đã được phê duyệt, không thực hiện trong dự án sau khi điều chỉnh, cần chuyển sang hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin, sẽ sử dụng nguồn kinh phí thường xuyên để tiếp tục triển khai trong giai đoạn 2023-2025.

*** Về nội dung dự thảo nghị quyết, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị:**

- Tại Khoản 2: Quy mô đầu tư: Bổ sung cụm từ “*hạ tầng ứng dụng công nghệ thông tin*” và viết lại như sau: “*Đầu tư các trang thiết bị cho Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Gia Lai để đảm bảo hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ xây dựng Chính quyền điện tử, tiến tới Chính quyền số*”. Đồng thời, đề nghị không nêu cụ thể các trang thiết bị (*Thiết bị Router kết nối WAN (mạng điện rộng); thiết bị chuyển mạch; thiết bị lõi;...*) để thuận tiện cho quá trình triển khai thực hiện dự án.

- Bổ sung điều chỉnh Khoản 8: Tiến độ thực hiện dự án:

+ Năm 2021 - 2023: Phê duyệt chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư.

+ Năm 2024: Triển khai các công tác chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, kết thúc đầu tư.

* Ngoài ra, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh và chủ đầu tư trong quá trình triển khai, thực hiện dự án cần sử dụng các trang thiết bị đảm bảo chất lượng, hiệu quả, hiện đại đáp ứng mục tiêu xây dựng chính quyền số của Chính phủ. Đồng thời, đề nghị UBND tỉnh bổ sung báo cáo thuyết minh làm rõ việc thay đổi mục tiêu, quy mô so với chủ trương đầu tư ban đầu đã được HĐND tỉnh phê duyệt có ảnh hưởng như thế nào đến mục tiêu xây dựng chính quyền số của Chính phủ và nhiệm vụ chi của các cấp ngân sách gửi HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

Do đó, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thông nhất và đề nghị HĐND tỉnh điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án xây dựng Chính quyền điện tử tiến tới xây dựng Chính quyền số như sau:

“Điều chỉnh khoản 1, khoản 2, khoản 4, khoản 8 Điều 1 Nghị quyết số 304/NQ-HĐND ngày 25/02/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai như sau:

1. Mục tiêu đầu tư:

Xây dựng hệ thống Trung tâm tích hợp dữ liệu hiện đại, tập trung, thống nhất toàn tỉnh, đảm bảo theo tiêu chuẩn kỹ thuật trung tâm dữ liệu theo quy định, phù hợp quy mô, đáp ứng hầu hết các nhu cầu ứng dụng CNTT trong nội bộ các cơ quan nhà nước của tỉnh, phục vụ xây dựng Chính quyền điện tử tiến tới Chính

quyền số và cung cấp thông tin, dịch vụ, đảm bảo phát triển, vận hành hệ thống ứng dụng Chính quyền số một cách an toàn, bảo mật.

- Nâng cấp, mở rộng hạ tầng đảm bảo các yêu cầu kết nối mạng của Trung tâm dữ liệu bao gồm kết nối bên trong và kết nối ra bên ngoài với các hệ thống thông tin của các đơn vị, địa phương thuộc tỉnh và kết nối với các hệ thống thông tin của Trung ương, các nền tảng Chính phủ số, đảm bảo an toàn dữ liệu và an ninh mạng, tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định.

2. Quy mô đầu tư (ở bước lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư là quy mô dự kiến; quy mô dự án được xác định cụ thể ở bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi):

- Đầu tư các trang thiết bị thiết bị cho Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Gia Lai để đảm bảo hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ xây dựng Chính quyền điện tử, tiến tới Chính quyền số.

4. Tổng mức đầu tư: 73.346 triệu đồng (Bảy mươi ba tỷ, ba trăm bốn mươi sáu triệu đồng).

8. Tiến độ thực hiện dự án:

+ Năm 2021 - 2023: Phê duyệt chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư.

+ Năm 2024: Triển khai các công tác chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, kết thúc đầu tư.”.

- Các nội dung khác thực hiện theo Nghị quyết số 304/NQ-HĐND ngày 25/02/2021 của HĐND tỉnh.

4. Đối với thể thức, bố cục dự thảo Nghị quyết: Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất.

Kính trình HĐND tỉnh, Kỳ họp thứ Mười bốn (chuyên đề) xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XII, nhiệm kỳ 2021-2026;
- Lưu: VT-KTNS.

**TM. BAN KINH TẾ-NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Đình Phương

Số: 354 /BC-HĐND

Gia Lai, ngày 12 tháng 10 năm 2023

BÁO CÁO

Thẩm tra dự thảo Nghị quyết điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Đường liên xã huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai

Để chuẩn bị cho Kỳ họp thứ Mười bốn (chuyên đề), HĐND tỉnh khóa XII, thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh; từ ngày 04/10/2023 đến ngày 12/10/2023, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra các báo cáo, dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình tại kỳ họp. Trên cơ sở xem xét nội dung dự thảo nghị quyết “Điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Đường liên xã huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai” (Tờ trình số 2649/TTr-UBND ngày 02/10/2023 của UBND tỉnh) và các tài liệu có liên quan, qua ý kiến thảo luận của thành viên Ban, đại biểu dự họp, giải trình của các cơ quan được UBND tỉnh giao xây dựng dự thảo Nghị quyết. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

1. Cơ sở pháp lý

Căn cứ Khoản 1 Điều 34¹ Luật Đầu tư công năm 2019, việc HĐND tỉnh quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Đường liên xã huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai là đúng thẩm quyền.

2. Về hồ sơ

Hồ sơ UBND tỉnh trình HĐND tỉnh đảm bảo các nội dung theo quy định khoản 3 Điều 11 Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ “Quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư công”.

3. Về nội dung

(1) Quy mô đầu tư Dự án Đường liên xã huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai đã được HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 354/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 như sau:

a) Đường từ thị trấn Đak Pơ đi xã Yang Bắc, Tân An: dài khoảng 5,6km, đường giao thông nông thôn cấp A (theo TCVN 10380:2014); Chiều rộng mặt đường: Bm=3,5m; chiều rộng nền đường Bn=6,0m; kết cấu mặt đường bê tông xi măng M300, dày 22cm.

b) Đường liên xã Tân An, Yang Bắc đi Đông Trường Sơn dài khoảng 11,2km, đường cấp IV miền núi theo TCVN 4054-2005; tận dụng nền, mặt đường hiện trạng, mặt đường tại các vị trí làm mới và tại các vị trí tận dụng mở rộng 2 bên: Bm=5,5m; chiều rộng nền đường Bn=7,5m; kết cấu mặt đường bê tông xi măng M300, dày 22cm.

c) Đường từ núi đá lửa thôn An Định xã Cư An huyện Đak Pơ đi xã Kông Long Khong, huyện Kbang dài khoảng 3,3km; đường giao thông nông thôn cấp

¹ Cấp quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án thì có thẩm quyền quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án đó và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

A (theo TCVN 10380:2014); chiều rộng mặt đường: $B_m=3,5m$; chiều rộng nền đường $B_n=6,0m$; kết cấu mặt đường bê tông xi măng M300, dày 22cm.

(2) UBND tỉnh trình HĐND tỉnh điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Đường liên xã huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai với nội dung cụ thể như sau:

- Đối với Đường từ thị trấn Đak Pơ đi xã Yang Bắc, Tân An: **Điều chỉnh** “chiều dài tuyến dài khoảng 5,6km” thành “chiều dài tuyến dài khoảng 5,92km (tăng 0,32km) (tận dụng 1,407km mặt đường BTXM hiện có)”.

- Đối với Đường từ núi Đá lửa thôn An Định, xã Cư An, huyện Đak Pơ đến xã Kông Long Khong, huyện Kbang: **Điều chỉnh** “Chiều dài tuyến khoảng 3,3km; đường giao thông nông thôn cấp A (theo TCVN 10380:2014); chiều rộng mặt đường: $B_m=3,5m$; chiều rộng nền đường $B_n=6,0m$; kết cấu mặt đường bê tông xi măng M300, dày 22cm” thành “Chiều dài tuyến khoảng 1,45km (tận dụng 0,25km mặt đường BTXM hiện có) thiết kế đường giao thông nông thôn cấp B (theo TCVN 10380:2014)”.

(3) Qua thẩm tra, thảo luận với các cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh và UBND huyện Đak Pơ, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh giữ nguyên (không điều chỉnh) **điểm a**, đề nghị bổ sung “Công trình thoát nước” vào **điểm b**, điều chỉnh **điểm c khoản 2, khoản 8** Điều 1 Nghị quyết số 354/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh như sau:

“2. Quy mô đầu tư:

b) Đường liên xã Tân An, Yang Bắc đi đường Đông Trường Sơn dài khoảng 11,2km, đường cấp IV miền núi theo TCVN 4054-2005; tận dụng nền, mặt đường hiện trạng, mặt đường tại các vị trí làm mới và tại các vị trí tận dụng mở rộng 2 bên: $B_m=5,5m$; chiều rộng nền đường $B_n=7,5m$; kết cấu mặt đường bê tông xi măng M300, dày 22cm.

Công trình thoát nước: Tại Km0+869,79m thiết kế công trình cầu bê tông cốt thép (dự kiến 2 nhịp 24m). Cầu rộng 8m, phần xe chạy rộng 7m. Tải trọng thiết kế HL-93, tầng suất thiết kế $P=1\%$, tĩnh không thông thuyền, có cây trôi; Thiết kế hệ thống thoát nước, an toàn giao thông.

c) Đường từ núi đá lửa thôn An Định, xã Cư An, huyện Đak Pơ đi xã Kông Long Khong, huyện Kbang dài khoảng 1,45km (tận dụng 0,25km mặt đường BTXM hiện có); đường giao thông nông thôn cấp B (theo TCVN 10380:2014); chiều rộng mặt đường: $B_m=3,5m$; chiều rộng nền đường $B_n=5,0m$; kết cấu mặt đường bê tông xi măng M250, dày 20cm. Thiết kế hệ thống thoát nước, an toàn giao thông.

8. Tiến độ thực hiện dự án:

+ Năm 2021: Quyết định chủ trương đầu tư dự án.

+ Năm 2022-2023: Quyết định đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư và phê duyệt dự án.

+ Năm 2024-2026: Triển khai thi công, hoàn thành dự án.”.

- Các nội dung khác thực hiện theo Nghị quyết số 354/NQ-HĐND ngày 17/6/2021.

4. Đối với thể thức, bố cục dự thảo Nghị quyết: Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất.

Kính trình HĐND tỉnh, Kỳ họp thứ Mười bốn (chuyên đề) xem xét, quyết định.

Báo cáo này thay thế Báo cáo số 340/BC-HĐND ngày 06/10/2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XII tham dự Kỳ họp thứ Mười bốn (chuyên đề);
- Lưu: VT, KTNS.



**TM. BAN KINH TẾ-NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Đình Phương

Số: 355 /BC-HĐND

Gia Lai, ngày 12 tháng 10 năm 2023

BÁO CÁO

Thẩm tra dự thảo Nghị quyết điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đường nội thị thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai

Để chuẩn bị cho Kỳ họp thứ Mười bốn (chuyên đề), HĐND tỉnh khóa XII, thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, từ ngày 04/10/2023 đến ngày 12/10/2023, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra các báo cáo, dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình tại Kỳ họp. Trên cơ sở xem xét nội dung dự thảo nghị quyết “Điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đường nội thị thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai” (Theo Tờ trình số 2630/TTr-UBND ngày 29/9/2023 của UBND tỉnh) và các tài liệu có liên quan, qua ý kiến thảo luận của thành viên Ban, đại biểu dự họp, giải trình của các cơ quan được UBND tỉnh giao xây dựng dự thảo Nghị quyết. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

1. Cơ sở pháp lý

Căn cứ Khoản 1 Điều 34¹ Luật Đầu tư công năm 2019, việc HĐND tỉnh quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đường nội thị thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai là đúng thẩm quyền.

2. Về hồ sơ

Hồ sơ UBND tỉnh trình HĐND tỉnh đảm bảo các nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư công.

3. Về nội dung

(1) Quy mô đầu tư dự án Đường nội thị thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai đã được HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 349/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 như sau:

a) Đường Trần Quốc Toản (đoạn Quang Trung đến vành đai phía Bắc): Dài 2,2km, nền đường rộng 20m, mặt đường rộng 10,5m (kể cả đan rãnh) bằng bê tông nhựa dày 7 cm, vỉa hè lát gạch block rộng 4,75mx2=9,5m; hệ thống thoát nước dọc mương xây đập đan và cống tròn BTCT, thoát nước ngang cống hộp BTCT; đầu tư hoàn chỉnh hệ thống báo hiệu đường bộ theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41-2019/BGTVT.

b) Đường Tôn Đức Thắng (đoạn Chu Văn An đến Bùi Thị Xuân): Dài 1,8km, nền đường rộng 34m, mặt đường rộng 7,25mx2=14,5m bằng bê tông nhựa dày 07 cm, dải phân cách rộng 2m, vỉa hè lát gạch block rộng 8,75mx2=17,5m; hệ thống thoát nước dọc mương xây đập đan và cống tròn BTCT, thoát nước ngang cống hộp BTCT; hệ thống an toàn giao thông.

¹ Cấp quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án thì có thẩm quyền quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án đó và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

(2) UBND tỉnh trình HĐND tỉnh điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đường nội thị thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai với nội dung cụ thể như sau:

- Đối với đường Trần Quốc Toàn (đoạn Quang Trung đến đường Vành đai phía Bắc): **Điều chỉnh** “*via hè lát gạch block rộng 4,75mx2=9,5m*” thành “*via hè đắp đất*”, các nội dung khác không thay đổi.

- Đối với đường Tôn Đức Thắng (đoạn Chu Văn An đến Bùi Thị Xuân): **Điều chỉnh** “*Dài 1,8km, nền đường rộng 34m, mặt đường rộng 14,5m; via hè lát gạch block 8,75mx2=17,5m*” thành “*Dài 1,69km (giảm 0,11km), nền đường rộng 20m (giảm 14m), mặt đường rộng 10m (giảm 4,5m), via hè đắp đất*”.

Lý do điều chỉnh:

Điều chỉnh đường Tôn Đức Thắng (đoạn Chu Văn An đến Bùi Thị Xuân) cho phù hợp với quy hoạch theo Quyết định số 793/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai đến năm 2025. Đồng thời, kinh phí để thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng sau khi khảo sát, điều tra tăng so với số kinh phí dự kiến ban đầu theo chủ trương đầu tư được phê duyệt.

(3) Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất điều chỉnh quy mô đầu tư đường Trần Quốc Toàn (đoạn Quang Trung đến đường Vành đai phía Bắc). Tuy nhiên, đối với đường Tôn Đức Thắng (đoạn Chu Văn An đến Bùi Thị Xuân), Ban đề nghị điều chỉnh nền đường rộng 20,5m, mặt đường rộng 10,5m nhằm đảm bảo tiêu chuẩn thiết kế đường TCVN 4054:2005. Riêng via hè của 02 tuyến đường, Ban đề nghị UBND thị xã An Khê thực hiện theo phương thức Nhà nước và nhân dân cùng làm.

Do đó, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất điều chỉnh khoản 2, đề nghị điều chỉnh khoản 8 và bổ sung khoản 9 Điều 1 Nghị quyết số 349/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai như sau:

“2. Quy mô đầu tư (ở bước lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư quy mô là dự kiến; quy mô dự án được xác định cụ thể ở bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi):

a) Đường Trần Quốc Toàn (đoạn Quang Trung đến vành đai phía Bắc): Dài 2,2km, nền đường rộng 20m, mặt đường rộng 10,5m (kể cả đan rãnh) bằng bê tông nhựa dày 7 cm, via hè; hệ thống thoát nước dọc đường xây dựng đan và cống tròn BTCT, thoát nước ngang cống hộp BTCT; đầu tư hoàn chỉnh hệ thống báo hiệu đường bộ theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41-2019/BGTVT.

b) Đường Tôn Đức Thắng (đoạn Chu Văn An đến Bùi Thị Xuân): Dài 1,69km, nền đường rộng 20,5m, mặt đường rộng 10,5m bằng bê tông nhựa dày 07 cm, dải phân cách rộng 2m, via hè; hệ thống thoát nước dọc đường xây dựng đan và cống tròn BTCT, thoát nước ngang cống hộp BTCT; hệ thống an toàn giao thông.

8. Tiến độ thực hiện dự án:

- Năm 2021: Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.

- Năm 2022-2023: Quyết định đầu tư dự án, điều chỉnh chủ trương đầu tư và phê duyệt dự án.

- Năm 2024-2026: Triển khai thi công, hoàn thành dự án.

9. Nội dung khác: *Via hè do Nhà nước và nhân dân cùng làm*”.

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh kiến nghị HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh: Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, nếu phát sinh chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng vượt tổng mức đầu tư của dự án thì cho phép UBND thị xã An Khê sử dụng ngân sách thị xã chi trả phần tăng thêm.

4. Đối với thể thức, bố cục dự thảo Nghị quyết: Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất.

Kính trình HĐND tỉnh, Kỳ họp thứ Mười bốn (chuyên đề) xem xét, quyết định *Báo cáo này thay thế Báo cáo số 334/BC-HĐND ngày 06/10/2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh.*

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XII tham dự Kỳ họp thứ Mười bốn (chuyên đề);
- Lưu: VT-KTNS.

**TM. BAN KINH TẾ-NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Đình Phương

Số: 356 /BC-HĐND

Gia Lai, ngày 12 tháng 10 năm 2023

BÁO CÁO

Thẩm tra dự thảo Nghị quyết điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đường nội thị huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai

Để chuẩn bị cho Kỳ họp thứ Mười bốn (chuyên đề), HĐND tỉnh khóa XII, thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh; từ ngày 04/10/2023 đến ngày 12/10/2023, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra các báo cáo, dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình tại Kỳ họp. Trên cơ sở xem xét nội dung dự thảo nghị quyết “*Điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đường nội thị huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai*” (Tờ trình số 2632/TTr-UBND ngày 29/9/2023 của UBND tỉnh) và các tài liệu có liên quan, qua ý kiến thảo luận của thành viên Ban, đại biểu dự họp, giải trình của các cơ quan được UBND tỉnh giao xây dựng dự thảo Nghị quyết. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

1. Cơ sở pháp lý

Căn cứ Khoản 1 Điều 34¹ Luật Đầu tư công năm 2019, việc HĐND tỉnh quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đường nội thị huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai là đúng thẩm quyền.

2. Về hồ sơ

Hồ sơ UBND tỉnh trình HĐND tỉnh đảm bảo các nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ “*Quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư công*”.

3. Về nội dung

(1) Quy mô đầu tư dự án Đường nội thị huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai đã được HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư (Đường Trần Phú và Đường quy hoạch D1) tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 422/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 như sau:

- Đường Trần Phú: Dài khoảng 811,85m; Công trình giao thông cấp IV; Kết cấu mặt đường: bê tông nhựa; nền đường $B_n=35m$; mặt đường $B_m=10,5m \times 2=21m$; dải phân cách rộng 2m; vỉa hè rộng $6m \times 2=12m$; cống thoát nước, cửa xả bằng kết cấu xây đá hộc kết hợp bê tông cốt thép; hệ thống thoát 2 nước dọc: bằng bê tông cốt thép và mương xây đầy đan; hệ thống an toàn giao thông.

- Đường quy hoạch D1: Dài khoảng 1.672,3m; công trình giao thông cấp IV; nền đường rộng 12m; mặt đường rộng 10m; lề đường rộng $1m \times 2=2m$; kết cấu mặt đường: bê tông nhựa; cống thoát nước, cửa xả bằng kết cấu xây đá hộc kết hợp bê tông cốt thép; hệ thống thoát nước dọc bằng rãnh đất; hệ thống an toàn giao thông.

(2) UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đường nội thị huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai (Đường Trần Phú và Đường quy

¹ Cấp quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án thì có thẩm quyền quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án đó và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

hoạch D1) với nội dung cụ thể như sau:

- Đối với Đường Trần Phú: **Điều chỉnh** “Dài khoảng 811,85m” thành “Dài 419,83m, gồm 02 đoạn:

+ Đoạn từ đường Trường Chinh đến đường Tôn Thất Tùng (Km0+00 - Km0+308,4m): Dài 308,4m; tận dụng quy mô đầu tư giai đoạn trước, mở rộng mặt đường đạt kích thước $7,25m \times 2 = 14,5m$.

+ Đoạn từ đường Tôn Thất Tùng đến đường Tuệ Tĩnh (Km0+308,4 - Km0+419,83): Dài 111,43m, nền đường $B_n = 35,0m$; mặt đường $B_m = 7,5m \times 2 = 15,0m$; dải phân cách rộng 2m; lề đường rộng $1,0m \times 2 = 2,0m$; hệ thống thoát nước và hệ thống an toàn giao thông”.

- Đối với Đường quy hoạch D1: **Điều chỉnh** “Dài khoảng 1.672,3m; công trình giao thông cấp IV; nền đường rộng 12m; mặt đường rộng 10m; lề đường rộng $1m \times 2 = 2m$; kết cấu mặt đường: bê tông nhựa; cống thoát nước, cửa xả bằng kết cấu xây đá hộc kết hợp bê tông cốt thép; hệ thống thoát nước dọc bằng rãnh đất; hệ thống an toàn giao thông” thành “Dài 1.366,9m; nền đường rộng 12m; mặt đường rộng 10m; lề đường rộng $1m \times 2 = 2m$; hệ thống thoát nước và hệ thống an toàn giao thông”.

Lý do điều chỉnh:

- Kinh phí để thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng sau khi khảo sát, điều tra tăng so với số kinh phí dự kiến ban đầu theo chủ trương đầu tư được phê duyệt.

- Thời điểm tính toán dự kiến tổng mức đầu tư để đưa vào bố trí vốn trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 từ năm 2018, 2019. Đến thời điểm hiện tại, giá vật liệu, ca máy tăng cao, đã có thay đổi về đơn giá, định mức dẫn đến làm tăng tổng mức đầu tư dự án.

(3) Qua thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất điều chỉnh khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 422/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh, đề nghị bổ sung cụm từ “mỗi bên từ 1,9m đến 2m” vào Đường Trần Phú (Đoạn từ đường Trường Chinh đến Tôn Thất Tùng (Km0+00 - Km0+308,4m)) và đề nghị điều chỉnh khoản 8, bổ sung khoản 9 Điều 1 Nghị quyết số 422/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh như sau:

“2. Quy mô đầu tư:

- Đường Trần Phú: Dài 419,83m, gồm 02 đoạn:

+ Đoạn từ đường Trường Chinh đến đường Tôn Thất Tùng (Km0+00 - Km0+308,4m): Dài 308,4m; tận dụng quy mô đầu tư giai đoạn trước, mở rộng mặt đường mỗi bên từ 1,9m đến 2m để đạt kích thước $7,25m \times 2 = 14,5m$.

+ Đoạn từ đường Tôn Thất Tùng đến đường Tuệ Tĩnh (Km0+308,4 - Km0+419,83). Dài 111,43m, nền đường $B_n = 35,0m$; mặt đường $B_m = 7,5m \times 2 = 15,0m$; dải phân cách rộng 2m; lề đường rộng $1,0m \times 2 = 2,0m$; hệ thống thoát nước và hệ thống an toàn giao thông.

- Đường quy hoạch D1: Dài 1.366,9m; công trình giao thông cấp IV; nền đường rộng 12m; mặt đường rộng 10m; lề đường rộng $1m \times 2 = 2m$; kết cấu mặt đường: bê tông nhựa; cống thoát nước, cửa xả bằng kết cấu xây đá hộc kết hợp bê tông cốt thép; hệ thống thoát nước dọc và hệ thống an toàn giao thông.

- Đối với 03 tuyến đường còn lại giữ nguyên như quy mô đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 422/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai.

8. Tiến độ thực hiện dự án:

- Năm 2021: Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án;
- Năm 2022-2023: Quyết định đầu tư dự án, điều chỉnh chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án;
- Năm 2024-2026: Triển khai thi công, hoàn thành dự án.

9. Nội dung khác: Đối với hạng mục dải phân cách rộng 2m đường Trần Phú (Đoạn từ đường Tôn Thất Tùng đến đường Tuệ Tĩnh (Km0+308,4 - Km0+419,83)) không đầu tư trong giai đoạn này, hạng mục: vỉa hè, hệ thống thoát nước hoàn chỉnh, dải phân cách (nếu có), đề nghị thực hiện vào giai đoạn sau bằng ngân sách của huyện Mang Yang để đảm bảo quy hoạch được phê duyệt”.

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh kiến nghị HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh: Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, nếu phát sinh chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng vượt tổng mức đầu tư của dự án thì cho phép UBND huyện Mang Yang sử dụng ngân sách huyện chi trả phần tăng thêm.

4. Đối với thể thức, bố cục dự thảo Nghị quyết: Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất.

Kính trình HĐND tỉnh, Kỳ họp thứ Mười bốn (chuyên đề) xem xét, quyết định.

Báo cáo này thay thế Báo cáo số 339/BC-HĐND ngày 06/10/2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XII tham dự Kỳ họp thứ Mười bốn (chuyên đề);
- Lưu: VT, KTNS.



**TM. BAN KINH TẾ-NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Đình Phương

Số: 357/BC-HĐND

Gia Lai, ngày 12 tháng 10 năm 2023

BÁO CÁO

Thẩm tra dự thảo Nghị quyết điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đường Nguyễn Chí Thanh (đoạn từ đường Trường Chinh đến đường Lê Duẩn), thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

Để chuẩn bị cho Kỳ họp thứ Mười bốn (chuyên đề), HĐND tỉnh khóa XII, thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh; từ ngày 04/10/2023 đến ngày 12/10/2023, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra các báo cáo, dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình tại Kỳ họp. Trên cơ sở xem xét nội dung dự thảo nghị quyết "Điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đường Nguyễn Chí Thanh (đoạn từ đường Trường Chinh đến đường Lê Duẩn), thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai (Tờ trình số 2652/TTr-UBND ngày 02/10/2023 của UBND tỉnh) và các tài liệu có liên quan, qua ý kiến thảo luận của thành viên Ban, đại biểu dự họp, giải trình của các cơ quan được UBND tỉnh giao xây dựng dự thảo Nghị quyết. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

1. Cơ sở pháp lý

Căn cứ Khoản 1 Điều 34¹ Luật Đầu tư công năm 2019, việc HĐND tỉnh quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đường Nguyễn Chí Thanh (đoạn từ đường Trường Chinh đến đường Lê Duẩn), thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai là đúng thẩm quyền.

2. Về hồ sơ

Hồ sơ UBND tỉnh trình HĐND tỉnh đảm bảo các nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư công.

3. Về nội dung

(1) UBND tỉnh trình HĐND tỉnh điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đường Nguyễn Chí Thanh (đoạn từ Trường Chinh đến đường Lê Duẩn), thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đã được HĐND tỉnh phê duyệt tại Nghị quyết số 330/NQ-HĐND ngày 25/02/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai, cụ thể điều chỉnh tại b khoản 2 Điều 1 như sau: "Bổ sung hạng mục điện chiếu sáng và trồng cây xanh trong dải phân cách".

Lý do điều chỉnh:

Sử dụng kinh phí còn lại, chưa sử dụng từ nguồn chi phí dự phòng và chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư của dự án để đầu tư bổ sung hạng mục cây xanh và điện chiếu sáng thuộc đoạn Km0+240 - Km6+170 nhằm đảm bảo đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật và mỹ quan cho công trình, đảm bảo hiệu quả đầu tư.

(2) Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất và đề nghị chủ đầu tư nghiên cứu chủng loại cây xanh trồng phải đảm bảo tính mỹ quan đô thị và điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu của địa phương đảm bảo cây xanh sau khi trồng sinh trưởng và phát triển tốt.

¹ Cấp quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án thì có thẩm quyền quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án đó và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị điều chỉnh khoản 7, 8 Điều 1 Nghị quyết số 330/NQ-HĐND ngày 25/02/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai như sau:

“7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2021 -2024.

8. Tiến độ thực hiện dự án:

- Năm 2021: Phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, phê duyệt dự án.

- Năm 2022: Triển khai thi công dự án.

- Năm 2023 - 2024: Điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh phê duyệt dự án, thi công, hoàn thành dự án.”.

Lý do điều chỉnh: Dự án sử dụng ngân sách Trung ương, thời gian còn lại để thực hiện dự án trong năm 2023 còn ít, vì vậy, cần thiết phải kéo dài tiến độ thực hiện dự án và làm cơ sở để xin Trung ương cho phép dự án được hoàn thành trong năm 2024.

4. Đối với thể thức, bố cục dự thảo Nghị quyết: Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất.

Kính trình HĐND tỉnh, Kỳ họp thứ Mười bốn (chuyên đề) xem xét, quyết định.

Báo cáo này thay thế Báo cáo số 335/BC-HĐND ngày 06/10/2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XII tham dự Kỳ họp thứ Mười bốn (chuyên đề);
- Lưu: VT-KTNS.

**TM. BAN KINH TẾ-NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Đình Phương

Số: 358 /BC-HĐND

Gia Lai, ngày 12 tháng 10 năm 2023

BÁO CÁO

Thẩm tra dự thảo nghị quyết về việc Quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn năm 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Để chuẩn bị cho Kỳ họp thứ Mười bốn, HĐND tỉnh khóa XII, thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, ngày 11/10/2023, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra (bổ sung) các dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình tại Kỳ họp. Trên cơ sở xem xét nội dung dự thảo nghị quyết “*Quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn năm 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai*” (theo Tờ trình số 2770/TTr-UBND ngày 10/10/2023 của UBND tỉnh) và các tài liệu có liên quan, qua ý kiến thảo luận của các thành viên Ban, đại biểu dự họp, giải trình của đại diện Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn được UBND tỉnh giao xây dựng dự thảo nghị quyết. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

1. Cơ sở pháp lý

Căn cứ khoản 22¹ của Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 40 của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, việc HĐND tỉnh quy định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn năm 2021-2025 trên địa bàn tỉnh là đúng thẩm quyền.

2. Về nội dung dự thảo nghị quyết: Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất đề nghị HĐND tỉnh xem xét, ban hành “*Quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn năm 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai*” như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất thuộc các Chương

¹ “22. Sửa đổi, bổ sung Điều 40 như sau:

Điều 40. Trách nhiệm của UBND cấp tỉnh

1. Xây dựng, trình HĐND cấp tỉnh quyết định:

đ) Định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất theo quy định tại Điều 21, Điều 22; nội dung hỗ trợ dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị; mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp quy định tại Điều 21; nội dung hỗ trợ, trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất theo quy định tại Điều 22 Nghị định này.”

trình mục tiêu quốc gia giai đoạn năm 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai, cụ thể:

a) Định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện một (01) dự án, kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

b) Định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện một (01) dự án, phương án sản xuất, dịch vụ của cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Định mức hỗ trợ

1. Định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện một (01) dự án, kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Nghị quyết này:

a) Không quá 2.000 triệu đồng/dự án, kế hoạch liên kết do cấp tỉnh phê duyệt.

b) Không quá 1.500 triệu đồng/dự án, kế hoạch liên kết do cấp huyện phê duyệt.

2. Định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện một (01) dự án, phương án sản xuất, dịch vụ của cộng đồng quy định điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị quyết này: không quá 500 triệu đồng/dự án, phương án sản xuất, dịch vụ.”

3. Đối với thể thức, bố cục dự thảo nghị quyết

Tại cuối của phần căn cứ: Tại nội dung “Xét Tờ trình”, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị thay cụm từ: “*dự thảo nghị quyết*” bằng cụm từ “*đề nghị ban hành nghị quyết*” cho đúng trích yếu tại Tờ trình 2770/TTr-UBND ngày 10/10/2023 của UBND tỉnh Gia Lai; đồng thời, đề nghị bỏ cụm từ “*đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025*” tại khoản 2 Điều 3 dự thảo nghị quyết.

Các nội dung còn lại Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất.

Kính trình HĐND tỉnh, Kỳ họp thứ Mười bốn (chuyên đề) xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XII, nhiệm kỳ 2021-2026;
- Lưu: VT-KTNS.

TM. BAN KINH TẾ-NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN



Nguyễn Đình Phương

Số: 360/BC-HĐND

Gia Lai, ngày 12 tháng 10 năm 2023

BÁO CÁO

Thẩm tra dự thảo nghị quyết thông qua Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh, tỉnh Gia Lai đến năm 2045

Để chuẩn bị cho Kỳ họp thứ Mười bốn (chuyên đề), HĐND tỉnh khóa XII, thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, từ ngày 04/10/2023 đến ngày 12/10/2023, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra các dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình tại Kỳ họp. Trên cơ sở xem xét nội dung dự thảo nghị quyết "*Thông qua quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh, tỉnh Gia Lai đến năm 2045*" (theo Tờ trình số 2690/TTr-UBND ngày 04/10/2023 của UBND tỉnh) và các tài liệu có liên quan.

Tại buổi họp thẩm tra, có sự tham gia của đại diện lãnh đạo Sở Xây dựng, đại diện lãnh đạo Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và lãnh đạo Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện Đức Cơ. Qua ý kiến thảo luận của các thành viên Ban, đại biểu dự họp, giải trình của đại diện Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn được UBND tỉnh giao xây dựng dự thảo nghị quyết, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

1. Về cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý

Nội dung này đã được UBND tỉnh trình HĐND tỉnh tại Kỳ họp thứ Mười ba, HĐND tỉnh khóa XII, nhiệm kỳ 2021-2026 và Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đã thẩm tra và thống nhất.

Tuy nhiên, ngày 04/7/2023, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Thông báo số 584-TB/TU "*Kết luận hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy về các văn bản của Ban cán sự đảng UBND tỉnh*", theo đó, Ban Thường vụ Tỉnh ủy có ý kiến về nội dung này như sau: "*Giao Ban cán sự đảng UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh rà soát, bổ sung căn cứ pháp lý trình Đảng đoàn HĐND tỉnh, sau đó báo cáo Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, cho ý kiến trong phiên họp sau*".

Qua thẩm tra hồ sơ, nghe báo cáo giải trình của các sở, ngành và địa phương có liên quan đã làm rõ sự phù hợp của đề án với quy hoạch xây dựng vùng biên giới Việt Nam - Campuchia, Quy hoạch xây dựng vùng Tây Nguyên, Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Gia Lai và các quy hoạch chuyên ngành khác đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; đồng thời, đã làm rõ các nội dung mà Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu, cụ thể như sau:

1.1. Về cơ sở chính trị: Đề án Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh, tỉnh Gia Lai đến năm 2045 phù hợp với các Nghị quyết như sau:

+ Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị "*Về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*";

+ Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị "*Về quy*

hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050”;

+ Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 20/01/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XVI “Về phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, nhất là hạ tầng các vùng động lực của tỉnh đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030”.

1.2. Về cơ sở pháp lý: Căn cứ các quy định tại điểm e khoản 3 Điều 19¹ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; khoản 9 Điều 28² Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định đồ án quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh, tỉnh Gia Lai đến năm 2045 trước khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, phê duyệt là đúng thẩm quyền.

2. Về nội dung dự thảo nghị quyết

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh nhận thấy: So với nội dung trình tại Kỳ họp lần trước, tại Kỳ họp lần này, UBND tỉnh đã bổ sung cập nhật quy hoạch: Đến năm 2050, xây dựng Cảng cạn Lệ Thanh (diện tích 10ha) kết nối cửa khẩu Quốc tế Lệ Thanh với Cảng biển Quy Nhơn, Dung Quất, Khánh Hòa vào Bảng cân bằng sử dụng đất (Đất giao thông và đất hạ tầng kỹ thuật khác) của đồ án quy hoạch theo Quyết định số 979/QĐ-TTg ngày 22/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ “*Phê duyệt quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050*”.

Đồng thời, theo báo cáo của Chủ tịch UBND huyện Đức Cơ, quy hoạch này đã lấy ý kiến của cộng đồng dân cư, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương³; đã cập nhật quy hoạch chung xây dựng của 04 xã (Ia Kla, Ia Pnon, Ia Nan, Ia Dom) và thị trấn Chư Ty; phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và bản đồ quy hoạch giao thông của huyện Đức Cơ.

Do đó, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất và đề nghị HĐND tỉnh thông qua để UBND tỉnh có cơ sở trình Bộ Xây dựng thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh, tỉnh Gia Lai đến năm 2045, với những nội dung như sau:

“1. Tên đồ án quy hoạch

Đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh, tỉnh Gia Lai đến năm 2045.

2. Phạm vi, quy mô lập quy hoạch

- Phạm vi nghiên cứu Quy hoạch chung Khu kinh tế Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh, bao gồm toàn bộ địa giới hành chính thị trấn Chư Ty, các xã: Ia Kla, Ia Dom, Ia Nan, Ia Pnon thuộc huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai. Diện tích tự nhiên khoảng 41.515ha. Phạm vi, ranh giới nghiên cứu lập quy hoạch được xác định như sau:

¹ Điều 19. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh: “3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh trong lĩnh vực kinh tế, tài nguyên, môi trường:

... e) Quyết định quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị trong phạm vi được phân quyền theo quy định của pháp luật; việc liên kết kinh tế vùng giữa các cấp chính quyền địa phương phù hợp với tình hình, đặc điểm của địa phương và bảo đảm tính thống nhất của nền kinh tế quốc dân”.

² 9. “... Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức lập quy hoạch xây dựng có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định trước khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, phê duyệt”.

³ Tại Nghị quyết số 01/NQ-ĐH ngày 07/8/2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đức Cơ lần thứ VII, nhiệm kỳ 2020-2025.

- + Phía Bắc giáp xã Ia Chia (huyện Ia Grai)
- + Phía Đông giáp xã Ia Đơk (huyện Đức Cơ)
- + Phía Nam giáp xã Ia Puch (huyện Chư Prông)
- + Phía Tây giáp tỉnh Ratanakiri, Campuchia.

- Thời hạn quy hoạch: Giai đoạn ngắn hạn đến năm 2030, giai đoạn dài hạn đến năm 2045.

3. Tính chất

- Là khu kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực, gồm khu phi thuế quan (khu gia công sản xuất, xuất nhập khẩu, trưng bày triển lãm, giới thiệu sản phẩm) và khu thuế quan (công nghiệp, đô thị, dịch vụ du lịch và các trung tâm tiếp vận) của vùng tỉnh Gia Lai.

- Là đầu mối giao thương phía Tây của tỉnh Gia Lai, vùng Tây Nguyên với các nước Campuchia, Myanmar, Thái Lan; điểm trung chuyển hàng hóa, khách du lịch quan trọng trên tuyến hành lang Đông - Tây giữa hai nước Việt Nam và Campuchia.

- Là động lực phát triển kinh tế của tiểu vùng phía Tây tỉnh Gia Lai, với trọng tâm phát triển tập trung các hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu hàng hoá qua biên giới, cửa vào ra của khu vực Đông Bắc Campuchia, khu vực Tây Nguyên và cảng biển Quy Nhơn.

- Trung tâm dịch vụ du lịch lâm viên sinh thái nghỉ dưỡng dưới tán rừng. Là điểm trung chuyển, đón tiếp khách du lịch từ các nước bạn tới Pleiku, vùng Tây Nguyên và khu vực lân cận.

- Trung tâm công nghiệp, thương mại - dịch vụ của tỉnh Gia Lai và vùng Tây Nguyên.

- Khu vực có vị trí chiến lược về quốc phòng an ninh của vùng Tây Nguyên và Quốc gia.

4. Mục tiêu

- Cụ thể hóa Quy hoạch xây dựng vùng biên giới Việt Nam - Campuchia, Quy hoạch xây dựng vùng Tây Nguyên, Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Gia Lai và các quy hoạch chuyên ngành khác đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Khai thác tiềm năng lợi thế vùng phía Tây của tỉnh Gia Lai, nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, chất lượng cuộc sống và bảo vệ môi trường.

- Xây dựng Khu kinh tế Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh thành một vùng kinh tế động lực của tỉnh Gia Lai. Phát triển công nghiệp, đô thị, thương mại dịch vụ, có cơ sở hạ tầng kỹ thuật và kinh tế - xã hội đồng bộ, đáp ứng là một Khu kinh tế Cửa khẩu quốc tế năng động, phát triển bền vững góp phần phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống cư dân vùng biên giới trên cơ sở bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên, gắn với củng cố quốc phòng - an ninh và bảo vệ chủ quyền quốc gia.

- Phát triển đầu mối giao thương với các vùng kinh tế trong khu vực Đông Bắc Campuchia và khu vực Tây Nguyên.

- Phát triển cân bằng giữa khu vực kinh tế cửa khẩu - đô thị - nông nghiệp, nông thôn, gắn với phát triển bền vững, thích ứng biến đổi khí hậu.

- Làm cơ sở pháp lý để triển khai các quy hoạch phân khu xây dựng, quy hoạch chi tiết xây dựng để quản lý, thực hiện các dự án đầu tư trong Khu kinh tế.

5. Dự báo nhu cầu phát triển

5.1. Dự báo về quy mô dân số:

- Đến năm 2030 khoảng 50.000 - 55.000 người; trong đó, dân số đô thị khoảng 20.000 - 28.000 người (đô thị hóa 30 - 40%). Tỷ lệ tăng tự nhiên 1,5%/năm và tổng lượng dịch cư đến Khu kinh tế chiếm khoảng từ 10% - 12% dân số khu kinh tế.

- Đến năm 2045 khoảng 75.000 - 90.000 người; trong đó, dân số đô thị khoảng 30.000 - 45.000 người (đô thị hóa 35 - 45%). Tỷ lệ tăng tự nhiên 1,1 - 1,2%/năm và tổng lượng dịch cư đến khu vực Khu kinh tế và làm việc tại các khu chức năng trong Khu kinh tế chiếm khoảng từ 45% - 50% dân số Khu kinh tế.

5.2. Dự báo về quy mô đất đai:

- Dự báo đến năm 2030:

+ Đất xây dựng các khu chức năng, đô thị, điểm dân cư nông thôn có diện tích khoảng 2.600 ha, chiếm tỷ lệ khoảng 6% tổng diện tích toàn Khu kinh tế Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh.

+ Đất khu nông nghiệp và chức năng khác có diện tích khoảng 38.900 ha, chiếm tỷ lệ 93% tổng diện tích toàn Khu kinh tế Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh.

- Dự báo đến năm 2045:

+ Đất xây dựng các khu chức năng, đô thị, điểm dân cư nông thôn có diện tích khoảng 3.100 ha chiếm tỷ lệ khoảng 7,5% tổng diện tích toàn Khu kinh tế Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh.

+ Đất khu nông nghiệp và chức năng khác có diện tích khoảng 38.300 ha, chiếm tỷ lệ 92% tổng diện tích toàn Khu kinh tế Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh.

6. Định hướng phát triển không gian

Phát triển theo hướng 02 hành lang gồm hành lang đô thị - dịch vụ - công nghiệp dọc Quốc lộ 19 và hành lang sinh thái - biên giới; 04 vùng phát triển động lực là Khu phi thuế quan, Khu công nghiệp cửa khẩu, thị trấn Chư Ty và các xã.

6.1. Cấu trúc 02 hành lang phát triển

- Hành lang đô thị - dịch vụ - công nghiệp dọc Quốc lộ 19

+ Khu vực dọc hành lang Quốc lộ 19 hiện có, được hỗ trợ bởi tuyến đường cao tốc Quy Nhơn - Pleiku - Lệ Thanh sẽ từng bước đô thị hóa mở rộng tạo nên hành lang đô thị, dịch vụ và sản xuất công nghiệp.

+ Đô thị động lực khu kinh tế: Phát triển đô thị thị trấn Chư Ty và thị trấn cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh.

+ Bố trí chuỗi phân vùng chức năng dọc hành lang đô thị - dịch vụ để tạo hình thành phát triển riêng cho từng phân vùng.

+ Bổ sung các tuyến đường kết nối dọc để hỗ trợ liên thông giữa hành lang tuyến Quốc lộ 19, cao tốc Quy Nhơn - Pleiku - Lệ Thanh.

+ Giới hạn sự phát triển đô thị, công nghiệp tới vùng nông - lâm nghiệp phía Bắc để phát triển du lịch trải nghiệm và bảo vệ hệ thống rừng tại khu vực.

- Hành lang sinh thái và biên giới Việt Nam - Campuchia

Khu vực phía Bắc Quốc lộ 19 sẽ ưu tiên phát triển dịch vụ thương mại biên giới, dịch vụ du lịch sinh thái và phát triển nông lâm nghiệp sinh thái.

6.2. Cấu trúc 4 phân vùng phát triển

Cấu trúc không gian thành 04 khu vực phát triển chính: (1) Khu A: Khu cửa khẩu - đô thị cửa khẩu (trung tâm động lực); (2) Khu B: Khu vực thị trấn Chư Ty (trung tâm động lực); (3) Khu C: Xã Ia Nan - Xã Ia Pnôn; (4) Khu D: Xã Ia Kla - xã Ia Dom. Trong từng khu vực có các phân khu đảm bảo các chức năng bao gồm: Khu vực các chức năng khu cửa khẩu quốc tế; khu công nghiệp; trung tâm tài chính; khu đô thị, khu dân cư và các khu chức năng xây dựng khác.

7. Quy hoạch sử dụng đất

Bảng cân bằng sử dụng đất Khu kinh tế Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh theo các giai đoạn:

TT	Danh mục đất	Dự báo năm 2030			Dự báo năm 2045		
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu (m ² /người)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu (m ² /người)
	Dân số dự kiến (người)	55.000			75.000		
	Diện tích Khu kinh tế Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh	41.515	100		41.515	100	
A	KHU VỰC XÂY DỰNG CÁC KHU CHỨC NĂNG	2.602,03	6,27		3.171,94	7,64	
1	Đất phát triển dân cư đô thị	351,18	0,85	63,85	436,16	1,05	58,15
2	Đất phát triển dân cư nông thôn	276,85	0,67	50,34	279,37	0,67	37,25
3	Đất hỗn hợp nhóm nhà ở và dịch vụ	0			46,55	0,11	
4	Đất dịch vụ - công cộng	66,70	0,16	12,13	66,70	0,16	8,89
5	Đất khu phi thuế quan	64,41	0,16		64,41	0,16	
6	Đất cây xanh sử dụng công cộng	55,03	0,13	10,00	61,14	0,15	8,15
7	Đất cây xanh chuyên dụng	33,45	0,08		33,45	0,08	
8	Đất phát triển sản xuất công nghiệp, kho tàng	97,49	0,23		246,63	0,59	
9	Đất khu chức năng khác	631,43	1,52		635,24	1,53	
10	Đất giao thông và đất hạ tầng kỹ thuật khác	1.025,50	2,47		1.302,29	3,14	
B	KHU VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN KHU VỰC BIÊN GIỚI	38.912,97	93,73		38.343,06	92,36	

8. Các nội dung khác: Thực hiện theo kết quả thẩm định của Bộ Xây dựng”.

3. Đối với thể thức, bố cục dự thảo Nghị quyết: Ban Kinh tế - Ngân sách

HĐND tỉnh thống nhất.

Đề nghị UBND huyện Đức Cơ bổ sung báo cáo bằng văn bản thống nhất nội dung quy hoạch tại buổi thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh.

Kính trình HĐND tỉnh, Kỳ họp thứ Mười bốn (chuyên đề) xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu tham dự Kỳ họp thứ Mười bốn (chuyên đề), HĐND tỉnh khóa XII;
- Lưu: VT-KTNS.

**TM. BAN KINH TẾ-NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Đình Phương

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI
Số: 362 /BC-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Gia Lai, ngày 12 tháng 10 năm 2023

BÁO CÁO

Thẩm tra dự thảo nghị quyết Sửa đổi điểm 2.1 khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Gia Lai quy định nội dung và mức chi đặc thù triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Để chuẩn bị cho Kỳ họp thứ Mười bốn (chuyên đề), HĐND tỉnh khóa XII, thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, ngày 11/10/2023, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra các dự thảo nghị quyết (bổ sung) do UBND tỉnh trình tại Kỳ họp. Trên cơ sở xem xét nội dung dự thảo nghị quyết "**Sửa đổi điểm 2.1 khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Gia Lai quy định nội dung và mức chi đặc thù triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai**" (theo Tờ trình số 2779/TTr-UBND ngày 11/10/2023 của UBND tỉnh) và các tài liệu có liên quan, qua ý kiến thảo luận của các thành viên Ban, đại biểu dự họp, giải trình của đại diện Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn được UBND tỉnh giao xây dựng dự thảo nghị quyết. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

1. Cơ sở pháp lý

Căn cứ các quy định tại: Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Điều 12 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1¹ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020); điểm b khoản 1 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 24/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ "**Về việc ban hành Bộ tiêu chí và quy định đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình môi xã một sản phẩm**", việc HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết "**Sửa đổi điểm 2.1 khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Gia Lai quy định nội dung và mức chi đặc thù triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai**" là phù hợp và đúng thẩm quyền.

¹ Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

"Điều 12. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó hoặc bị đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ bằng văn bản của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền. Văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản khác phải xác định rõ tên văn bản, phần, chương, mục, tiểu mục, điều, khoản, điểm của văn bản bị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành.

Văn bản bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật phải được đăng Công báo, niêm yết theo quy định. "

2. Về nội dung dự thảo nghị quyết: Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất.

Để đảm bảo nghị quyết ban hành ngắn gọn, dễ hiểu, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị xem xét, chỉnh sửa Điều 1 và viết lại như sau:

“Điều 1. Sửa đổi điểm 2.1 khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Gia Lai quy định nội dung và mức chi đặc thù triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai như sau:

Thay thế cụm từ “sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lên” thành cụm từ “sau khi được Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quyết định công nhận sản phẩm OCOP 3 sao hoặc quyết định phê duyệt kết quả chấm điểm đạt từ 70 điểm trở lên theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm c khoản 3 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định 148/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm chương trình mỗi xã một sản phẩm”.

3. Đối với thể thức, bố cục dự thảo nghị quyết: Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất.

Kính trình HĐND tỉnh, Kỳ họp thứ Mười bốn (chuyên đề) xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu tham dự Kỳ họp thứ Mười bốn (chuyên đề), HĐND tỉnh khóa XII;
- Lưu: VT-KTNS.

**TM. BAN KINH TẾ-NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Đình Phương

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI
Số: 363/BC-HĐND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Gia Lai, ngày 12 tháng 10 năm 2023

BÁO CÁO

Thẩm tra dự thảo nghị quyết tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh về thông qua giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn Nhà nước thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý của tỉnh Gia Lai cho năm 2023

Để chuẩn bị cho Kỳ họp thứ Mười bốn (chuyên đề), HĐND tỉnh khóa XII, thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, từ ngày 04/10/2023 đến ngày 12/10/2023, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra các dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình tại Kỳ họp. Trên cơ sở xem xét nội dung dự thảo nghị quyết “*Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh về thông qua giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn Nhà nước thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý của tỉnh Gia Lai cho năm 2023*” (theo Tờ trình số 2613/TTr-UBND ngày 27/9/2023 của UBND tỉnh) và các tài liệu có liên quan, qua ý kiến thảo luận của các thành viên Ban, đại biểu dự họp, giải trình của đại diện Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn được UBND tỉnh giao xây dựng dự thảo nghị quyết. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

1. Cơ sở pháp lý

Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 35¹ Luật Thủy lợi năm 2017, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 1477/QĐ-BTC ngày 05/8/2021 “*Quy định về giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021*”; theo đó, năm 2021, UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 “*Thông qua giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý của tỉnh Gia Lai*”.

Năm 2022, Bộ Tài chính không ban hành quy định giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; do vậy, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 177/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 “*Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh về thông qua giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn Nhà nước thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý của tỉnh Gia Lai cho năm 2022*” và đến thời điểm hiện nay, Bộ Tài chính vẫn chưa ban hành quy định về giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; do đó, địa

¹ Đối với sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi:

Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định cụ thể giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý trên cơ sở giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định;

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý sau khi được Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua trên cơ sở giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định.

phương cũng chưa có cơ sở ban hành quy định cụ thể giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2023.

Để kịp thời cho các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động thủy lợi trên địa bàn tỉnh thực hiện thanh, quyết toán kinh phí sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đúng quy định. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh xem xét ban hành nghị quyết tạm thời tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 90/NQ-HĐND cho đến khi có văn bản quy định của Bộ Tài chính.

2. Về nội dung dự thảo nghị quyết: Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh cơ bản thống nhất và đề nghị một số nội dung như sau:

- Đối với trích yếu của dự thảo nghị quyết, Ban đề nghị bổ sung cụm từ “*tạm thời*” và viết lại thành như sau: “*Tạm thời tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh về thông qua giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn Nhà nước thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý của tỉnh Gia Lai cho năm 2023*”.

- Tại Điều 1 của dự thảo nghị quyết, bổ sung cụm từ “*tạm thời*” và viết lại thành như sau: “*Cho phép Ủy ban nhân dân tỉnh tạm thời tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thông qua giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn Nhà nước thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý của tỉnh Gia Lai cho năm 2023*”.

Ngoài ra, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị nếu sau khi HĐND tỉnh ban hành nghị quyết này, Bộ Tài chính có văn bản quy định về giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thì triển khai, thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

3. Đối với thể thức, bố cục dự thảo nghị quyết

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh cơ bản thống nhất và đề nghị bổ sung khoản 3 Điều 2 vào dự thảo nghị quyết: “*3. Sau khi HĐND tỉnh ban hành nghị quyết này, nếu Bộ Tài chính có văn bản quy định về giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thì triển khai, thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính*”.

Kính trình HĐND tỉnh, Kỳ họp thứ Mười bốn (chuyên đề) xem xét, quyết định./.

*** Báo cáo này thay thế Báo cáo số 338/BC-HĐND ngày 06/10/2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh.**

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu tham dự Kỳ họp thứ Mười bốn (chuyên đề), HĐND tỉnh khóa XII;
- Lưu: VT-KTNS.

**TM. BAN KINH TẾ-NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Đình Phương